

Tác Giả và Tác Phẩm

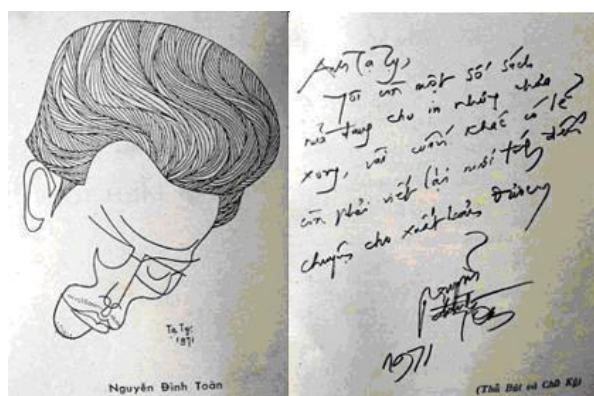
Nguyễn Đình Toàn (I)

Tiểu sử

Sinh ngày 19.11.1936 tại Bồ Đề, Gia Lâm, Bắc Việt.

Tác phẩm

Chị em Hải, Những kẻ đứng bên lề, Con đường, Ngày tháng, Phía ngoài



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Trường hợp Nguyễn Đình Toàn...- Du Tử Lê - 3

Hà Nội trong kỷ niệm - 8

Nguyễn Đình Toàn: Cửa chữ và người - Lưu Na - 24

Nhạc Nguyễn Đình Toàn, tiếng kêu bi thương của thời đại - T.Vấn - 32

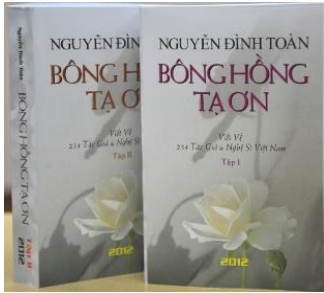
Không gần, sao vẫn thấy thân - Nam Dao - 34

Phụ đính :

Cha con sớm mai

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter").

Vài hàng về tác giả



Ấy là chưa kể có những trường hợp phũ phàng, các tác giả trút nỗi bất bình đối với cuộc đời, đối với xã hội, lên đầu những nhân vật phụ nữ tệ bạc. Bằng nét bạo liệt. Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca... từng vẽ nên những hình bóng đàn bà dữ dằn. Trong truyện 'Bạc như vôi', Nhã Ca kể chuyện mẹ con cô Nhiên: cô con gái thù hận khinh bỉ người mẹ lẳng lơ lang chạ để nhục cho mình, cô ta thủ sẵn một con dao đón chặn một thằng cha bần tiện vắn ngủ với mẹ mình hỏi thằng vào mặt xem có phải "hắn" là cha mình không? "Hắn" lính quýnh không trả lời được, cô gái vụt con dao, thằng cha nọ lách mình chuồn êm y hết một đũa... bần tiện. Còn lại một mình, đến lượt cô gái kêu trời, không biết cái thai chính mình đang mang trong bụng là của ai, của thằng bồ nào!

Tuy với nét bút không mãnh liệt nhấn tâm như thế, Nguyễn Đình Toàn, Lệ Hằng cũng phác họa lắm mẫu phụ nữ kỳ lạ. Trong thiên truyện 'Đóm lửa' của Nguyễn Đình Toàn, một cô ca sĩ khao khát danh vọng không coi chồng con ra gì, sẵn sàng bỏ chồng đi làm bé bất cứ một nhân vật nào tạo được cho mình cơ hội nổi tiếng. Cô ta nói những điều rồ dại đến nỗi người chị phải kêu: "Nổi tiếng như thế ăn cút còn hơn."

(...trích Văn Học Tổng Quan Miền Nam – Võ Phiến)



(hình: Lưu Na)

Trường hợp Nguyễn Đình Toàn và 20 văn chương miền Nam Du Tử Lê

Hai mươi năm không phải là một thời gian dài cho một nền văn chương. Nhất là khi nền văn chương đó, gần như phải thường xuyên đối đầu, thường xuyên sống, hít thở đầy lồng ngực nó, mùi vị chiến tranh, bom đạn và, những biến động chính trị không ngừng của một xã hội, như xã hội miền nam Việt Nam (sau giai đoạn Đệ Nhất Cộng Hòa).

Nhưng, cách gì thì các chính quyền ở miền Nam Việt Nam, trong hai mươi năm hiện hữu, cũng đã cho những người cầm bút một bầu khí tự do tương đối, đủ để họ thể hiện, đeo đuổi những khuynh hướng văn chương họ muốn.

Tuy nhiên, cũng vì bị cái chết rình rập, đuổi sau lưng, như một lực đẩy vô hình, khiến những người cầm bút ở miền Nam thế hệ 1954 tới 1975 đã hối hả tỏa nhánh, chia cành với rất nhiều xu hướng văn chương - Đôi khi nghịch chiều, khích bác hoặc phủ nhận nhau. Như một thứ phản ứng vô thức của bản năng.

Hiểu như thế, người đọc sau này sẽ không ngạc nhiên khi thấy vào những ngày, tháng giữa thập niên 1950, nhóm Sáng Tạo, cầm đầu bởi cố nhà văn Mai Thảo, đã công khai lên tiếng phủ nhận, xóa bỏ dòng văn chương tiền chiến; mà nhóm Tự Lực Văn Đoàn là đại diện.

Kế đến, một thập niên sau, nhóm Trình Bày với các tạp chí Trình Bày, Đất Nước, Nghiên Cứu Văn Học, cầm đầu bởi cố nhà văn Thế Nguyên, lại công khai lên tiếng khích bác, bài xích nhóm Sáng Tạo. Thế Nguyên quy kết Sáng Tạo, chủ trương, cổ xúy cho dòng văn chương mà ông gọi là dòng “văn chương viễn mơ.” Đó là thời điểm nhóm Trình Bày cho rằng trong hoàn cảnh chiến tranh vật vã đau thương như vậy, văn chương phải phản ánh thực trạng đất nước.

Với Thế Nguyên, trong giai đoạn miền Nam bị tràn ngập bởi quân ngoại nhập - Cầm đầu bởi người Mỹ thì, văn chương không thể đứng ngoài thời cuộc. Ông cổ xúy nền văn chương hiện thực mà, ông gọi là dòng “văn chương dân thân.” Nói theo thuật ngữ thời ấy, là dòng văn chương “phản chiến.”

Hai sự kiện vừa kể trên, theo tôi, chỉ là phần nổi của những tảng băng văn học, nghệ thuật miền Nam mà thôi. Chìm dưới đáy sâu, nhờ có được khoảng không gian tự do tương đối (như đã nói), sinh hoạt văn học của miền Nam, thực tế, chẳng những có, mà còn có rất nhiều xu hướng văn chương khác.

Từ những tác giả trung thành với dòng văn chương tiền chiến, hiểu theo nghĩa nghiêng hẳn về khuynh hướng xã hội: Tiếp tục con đường lấy cốt truyện và, nỗ lực phân tích tâm lý nhân vật làm xương sống cho sáng tác của mình - Tới những nhà văn chạy theo trào lưu văn chương hiện sinh, vốn được ưa chuộng ở miền Nam, những năm (19)50, (19)60, do nhóm Sáng Tạo khơi mào - Qua những bài viết của Giáo Sư Nguyễn Văn Trung (bút hiệu Hoàng Thái Linh). Và, những tác phẩm mà họ Nguyễn in thành sách cho sinh viên của ông, thời ông dạy Đại Học Văn Khoa, Saigon; như “Nhận định” 1, 2, hoặc “Ca tụng thân xác,” v.v...

Tuy nhiên, tùy theo mức độ thâm thấu triết lý Hiện Sinh của triết gia kiêm nhà văn Jean Paul Sartre mà, một số nhà văn miền Nam thời đó, đã phản ánh sự tiêu hóa của họ qua sáng tác. Thậm chí, một số tác giả còn đơn giản, hay thô thiển hóa triết lý Hiện Sinh của Jean Paul Sartre vào phạm trù dục tính. Như thế, đó mới chính là cốt lõi của triết lý hay, phong trào văn chương này. (1)

Cũng ở thập niên đầu của hai mươi năm văn học miền Nam, có nhà văn còn lằm lẩn giữa triết lý hiện sinh, với quan niệm con người là một con vật bị ngộ nhận, cùng lúc bị nhận chìm bởi những phi lý tàn khốc của kiếp người. (Quan điểm này được nhà văn Albert Camus xiển dương trong nhiều tác phẩm của ông.) (2)

Những nhà văn nhăm lằm lẩn giữa hai khuynh hướng triết lý, vì tưởng làm là một kia, đã đẩy nhân vật của họ tới những cái chết đầy kịch tính. Thí dụ, một nhân vật trong truyện, giữa lúc sắp (chứ

chưa) đạt được tình yêu (mà y định ninh không thể tới được) đã quay ra tự sát?! Hay một nhà văn khác, cho nhân vật của mình tự kết liễu cuộc đời ngay sau khi biết mình trúng số... độc đắc. Cũng vậy, bên cạnh những nhà văn (đa phần ở lớp trưởng thành sau thập niên (19)60, chấp nhận con đường binh lửa, vì nhu cầu bảo vệ miền Nam, đương đầu và chống cự lại những nỗ lực xâm lăng miền Nam của quân đội miền Bắc, đã thể hiện tâm trạng chệnh vênh của họ giữa hai bờ vực sống/chết một cách mặc nhiên, không ta thán, rất nhân bản... Thị cũng có những nhà văn chủ trương lên án hay, khắc nhỏ vào chiến tranh, như một chứng tỏ... kín đáo tính cách trí thức tiền bộ của họ!

Vì miền Nam trong chiến tranh, nên hầu hết các nhà văn đều bị chi phối bởi luật động viên ở miền Nam. Những nhà văn bị động viên này, dù ở hàng ngũ sĩ quan, hay binh sĩ, lại chia thành hai loại. Loại thứ nhất, chọn tiến thân bằng những sáng tác tố Cộng hay chống Cộng một cách dứt khoát, mạnh mẽ. Họ được dư luận gọi là lớp “nhà văn quân đội.” Loại thứ hai, là những nhà văn vẫn tuân thủ luật lệ quốc gia, nhưng khi trở về với mình, đối diện với trang giấy, họ vẫn giữ tư cách độc lập của một nhà văn. Hiểu theo nghĩa họ trung thành với rung động, những thao thức, những vấn nạn riêng về văn chương và đời sống...

Đĩ nhiên, lớp nhà văn được gọi là “nhà văn quân đội” không khỏi thấy “ngứa mắt” trước lớp nhà văn dân sự, phục vụ trong quân đội.

Cũng trong 20 năm văn chương miền Nam, một khuynh hướng văn chương khác nữa, nở rộ, được đón nhận nồng nhiệt; có phần rôm rả hơn tất cả những khuynh hướng văn chương vừa kể; là khuynh hướng văn chương được gọi là nền “văn chương mực tím.”

Sáng tác của những cây bút này, chủ yếu nhắm vào tuổi học trò. Lứa tuổi “bản lề” giữa niên thiếu và sắp trưởng thành. Tới nay, chưa ai bỏ công nghiên cứu để biết:

-Có phải xu hướng văn chương trong sân trường, giữa lớp học đã đưa tới sự thành hình của không biết bao nhiêu các thi văn đoàn hay, ngược lại?

Đây là loại văn chương không đòi hỏi một nỗ lực sáng tạo nào, từ hình thức tới nội dung; ngoài tính đơn giản, dễ hiểu. Vì thế, loại văn chương ấy, không chỉ thỏa mãn cảm quan của giới học sinh mà, còn đáp ứng được nhu cầu thưởng ngoạn của lớp độc giả trưởng thành, dễ tính nữa. Sự kiện này, hiển nhiên nâng số lượng thơ, văn, sách báo trong vòng phần “văn chương mực tím” của miền Nam, tới con số khá lớn. Nếu không muốn nói là đứng đầu mọi xu hướng.

Bên cạnh đó, những người quan tâm tới sinh hoạt văn học, nghệ thuật đô thị, cũng ghi nhận được một cơn bão trong... tách trà của một số nhà văn sống tại Saigon.

Đầu thập niên (19)70, số nhà văn đô thị này, đã rất tâm đắc bàn bạc về cái gọi là phong trào “Tiểu thuyết mới” - Như một lối thoát, một thứ ánh sáng cuối đường hầm, hay một phép thanh tẩy có khả năng “cứu rỗi” những bế tắc văn chương cho họ. Mặc dù, khi những nhà văn kia hào hứng trước phát hiện cái gọi là “tiểu thuyết mới” thì, tại nguyên quán, nơi phong trào “tiểu thuyết mới” được sinh ra, lại đang trên đường tàn lụi.

Theo tài liệu thì, phong trào “Tiểu thuyết mới” được đẩy lên tới đỉnh cao từ những năm cuối thập niên (19)40, song song với phong trào kịch mà nhân vật không còn là chính diện hay tâm điểm, do các kịch tác gia Adamov, Beckett, Ionesco phát động.

Cầm đầu phong trào “Tiểu thuyết mới” ở giai đoạn khởi đầu này, là nhà văn Alain Robbe Grillet. Ông quy tụ một số bằng hữu viết văn quanh nhà xuất bản “Nửa Đêm/Édition de Minuit,” ở Paris.

Theo nhà phê bình văn học Pháp, Carl Gustaf Bjurström, trong tác phẩm “Văn Học Thế Giới Hiện Đại/Les Littératures Contemporaines À Travers Le Monde,” bản dịch của Bửu Ý (3) thì nhóm này chủ trương xóa bỏ loại tiểu thuyết từ hồi nào giờ, vẫn ôm chặt lấy nghệ thuật phân tích tâm lý, như thể đó là chuẩn mực cao nhất và, bất biến của văn chương. Trong khi theo họ (những người chủ trương “Tiểu thuyết mới”) thì nó lại là những ước lệ, giả tạo, đối trá, hợm hĩnh của cái “ta” trong vai trò thượng đế, ban phúc, giáng họa cho tất tạt mọi nhân vật. Những nhà văn cổ xúy phong trào “Tiểu thuyết mới” đòi hỏi nhà văn phải trở lại với những khách quan của một người quan sát, phải luôn tự giác trước thực tế đời sống, ngoại cảnh. Mạnh mẽ hơn,

quyết liệt hơn, nhà văn Ollir, một thành viên khác trong nhóm, qua tiểu thuyết “Đạo Diễn” đã cho thấy “sự hiện diện của đồ vật là trên hết.”

Vấn theo tác giả Carl Gustaf Bjurström thì:

“Khuyh hướng này không hoàn toàn mới mẻ. Năm 1925 Gide đã viết 'Bọn làm bạc giả' đi ngược lại với mọi là luật truyền thống của truyện kể. Cuốn 'Ulysse' của James Joyce muốn ghi lại những cảm tưởng nguyên hình trạng. Và trong trường phái 'tiểu thuyết mới,' Nathalie Sarraute, với những bài đầu tiên viết trước thế chiến, thật ra đã nối kết ảnh hưởng của Joyce với tân trường phái. Tiểu luận 'Kỷ nguyên ngờ vực', giống như 'Kỷ yếu về sự phân hóa' của Cioran và 'Mục lục' của Michel Butor báo hiệu trước bước đường cùng của tiểu thuyết tâm lý (.....)Như thế, là 'tiểu thuyết mới' biến cải một cách thiết yếu cái 'điểm quan sát' của tiểu thuyết gia. Không còn là kể kể chuyện đã biết hồi kết cuộc nên chi 'sắp xếp' và diễn theo lối kể thúc đó. Nó chỉ là chứng nhân ghi nhận những hiện diện, những xúc cảm...” (4)

Một trong số ít nhà văn Saigon, cuối thập niên (19)60, đầu thập (19)70 tỏ ra rất hưng phấn với phong trào này, là Nguyễn Đình Toàn. Ông là một nhà văn nổi tiếng của miền Nam. Tuy nhiên, những người biết ông qua chương trình phát thanh “Nhạc chủ đề” (trên đài Saigon, cùng với nhạc sĩ Vũ Thành An), lại nhiều hơn, những người biết ông qua văn chương.

Nguyễn Đình Toàn bước vào nghiệp văn rất sớm. Từ những ngày ông còn ở Hà Nội, với bút hiệu Tô Hà Vân. (5)

Di cư vào miền Nam, năm 1954, ông trở thành biên tập viên đài phát thanh Quốc Gia. (Mọi người ta quen gọi là đài phát thanh Saigon, để phân biệt với đài Quân Đội.)

Không biết có phải vì lý do công việc, hay để đánh dấu một giai đoạn khác của sự nghiệp văn chương, họ Nguyễn đã từ bỏ bút hiệu kể trên, để dùng tên thật của mình, như bút hiệu.

Những năm đầu ở miền Nam, ngoài công việc thường lệ của một biên tập viên phát thanh, Nguyễn Đình Toàn còn cùng ký giả Phan Lạc Phúc, chủ trương một chương trình văn học, nghệ thuật cho đài Saigon. Nhưng, như đã nói, ông được quần chúng biết tới nhiều hơn cả, khi ông cùng nhạc sĩ Vũ Thành An thực hiện chương trình “Nhạc chủ đề.”

Với những giới thiệu hay dẫn nhập bằng cách viết (cách nói) riêng của mình; nhất là qua giọng nói, như một thủ thi tư riêng giữa hai người, qua làn sóng điện, họ Nguyễn trở thành một thứ “người tình không chân dung” của rất nhiều nữ thính giả. Đồng thời, ông cũng là “người bạn thiết” của rất nhiều thính giả thuộc nam giới. Với lớp thính giả này, ông như người đã nói thay họ những điều họ muốn nói về tình yêu, âm nhạc, thời thế. Kể cả những điều họ không có trong đầu, trước khi nghe chương trình của ông.

Đây cũng là thời gian xuất hiện của hai tình khúc, như hai cơn bão nhỏ, lay động giới trẻ miền Nam: Ca khúc “Tình khúc thứ nhất” và, “Em đến thăm anh đêm ba mươi.” nhạc Vũ Thành An, lời Nguyễn Đình Toàn, ra đời.

Vấn với “cách nói khác,” cách nói luôn mở ra những chân trời mới lạ, ảnh hưởng từ những nhân sinh quan tây phương, như:

“Có biết đâu niềm vui đã nằm trong thiên tai / Những cánh dơi lẻ loi mù trong bóng đêm dài / Lời nào em không nói em ơi / Tình nào không gian dối / Xin yêu nhau như thời gian làm giông bão mê say” (Trích “Tình khúc thứ nhất”)

Hoặc:

“Em đến thăm anh đêm ba mươi / Còn đêm nào vui bằng đêm ba mươi / Anh nói với người phu quét đường / Xin chiếc lá vàng làm bằng chứng yêu em / Tay em lạnh để cho tình mình ấm / Môi em mềm cho giấc ngủ em thơm...” (Trích “Em đến thăm anh đêm ba mươi”)

Ở thời điểm cuối thập niên (19)50, đầu thập niên (19)60 thì đó là cách nói cực kỳ mới mẻ. Người ta không thể tìm thấy ý niệm “niềm vui trong thiên tai,” “yêu nhau như thời gian làm giông bão,” hay vật chứng cho một tình yêu là “chiếc lá vàng” xin từ “người phu quét đường”... trong bất cứ một ca từ nào của nền tân nhạc Việt Nam, kể từ tiền chiến.

Một trong những đỉnh cao lãng mạn của nhạc tiền chiến là ca từ của Từ Linh, viết cho những ca khúc của Đoàn Chuẩn. Nhìn lại, ta thấy, dù sao thì những ca từ này cũng vẫn là những hình ảnh tượng trưng, sáo mòn. Như:

“Nhớ tới mùa thu năm nào / mình anh lên đênh rừng cùng sông / chiếc lá thu dần vàng theo / nhớ tới ngày nào cùng bước đến cầu / ngòi xỏa tóc thề còn đâu ân ái chẳng người xưa?” (Trích “Lá thu” của Đoàn Chuẩn - Từ Linh)

Hoặc:

“Mộng nữa cũng là không / ta quen nhau mùa thu / ta thương nhau mùa đông / ta yêu nhau mùa xuân / để rồi tàn theo mùa xuân / người về lặng lẽ sao đành...” (Trích “Tà áo xanh” của Đoàn Chuẩn - Từ Linh).

Người nghe có thể thấy mình thấp thoáng đâu đó, trong những ca từ vừa kể. Nhưng tuyệt nhiên, chúng không đem lại cho người nghe, những hình ảnh bất ngờ từ thị giác. Cái ngỡ ngàng, hạnh phúc của xúc giác mà ca từ của Nguyễn Đình Toàn (qua nhạc Vũ Thành An), đã đem lại cho họ.

Thời điểm này, ở lãnh vực văn chương, cũng là thời điểm văn giới, độc giả chào đón hai tác phẩm đầu tay của Nguyễn Đình Toàn. Đó là “Mật đắng,” thơ và; “Chị em Hải,” văn xuôi. Ông được dư luận ghi nhận là một trong vài trường hợp thành công sớm. Rất sớm.

Nguyễn Đình Toàn kể, trong một buổi họp đầu thập niên (19)60 ở nhà xuất bản Tự Do, đường Võ Tánh, Saigon, cũ, cùng với nhà văn Thảo Trường, ông được mời tham dự, cùng nhiều nhân vật thuộc hàng “lão làng” thời đó.

Một trong những nhân vật “lão làng” này là nhà văn Hiếu Chân (tức Nguyễn Hoạn). Ông này hỏi một nhân vật “lão làng” ngồi cạnh:

-Hai thằng nhóc nào vậy?

Ông này đáp:

-Đó là tác giả “Chị em Hải” và “Thử lửa.”

Tác giả “Ty Bái” thân nhiên bảo:

-Mang cho chúng nó hai ly sữa!

Tôi không biết khi nói vậy, cố nhà văn Hiếu Chân/Nguyễn Hoạn có ý đùa hay thật? Nhắc lại chuyện này, tôi chỉ muốn nói, mặc dù với hai tác phẩm gây được tiếng vang đáng kể ở cả hai lãnh vực thơ cũng như văn, nhưng trong suốt thời gian tạp chí Sáng Tạo hiện diện từ 1956 tới ngày đình bản hẳn, họ Nguyễn không đóng góp một sáng tác nào cho tạp chí ấy. Do đó, ông lại càng không phải mà một trong những thành viên nòng cốt của Sáng Tạo, như một bài viết đã được đưa lên mạng!

Tôi nghĩ, người thứ nhất gắn nhãn “thành viên tạp chí Sáng Tạo” cho nhà văn Nguyễn Đình Toàn, có thể là người không hề tham dự trong sinh hoạt văn chương miền Nam, 20 năm, và cũng không bỏ công tra cứu trước khi viết. Khiến sau đó, một số người trẻ khác, lặp lại nhiều lần, lầm lẫn này!

Nếu cần đi tìm phần đóng góp của họ Nguyễn ở lãnh vực báo chí, thì đó là sự tiếp tay đáng kể của ông cho tạp chí Văn (thời nhà văn Trần Phong Giao làm thư ký tòa soạn.) Ở giai đoạn này, Nguyễn Đình Toàn không chỉ đóng góp bài vở mà, ông còn ở trong ban tuyển chọn sáng tác thơ cũng như văn cho tạp chí Văn nữa.

Trở lại với thi phẩm “Mật đắng,” họ Nguyễn cũng cho thấy ông nỗ lực đi tìm một “cách nói khác” cho thi ca của mình. Nhưng, với “Chị em Hải” thì không. Có thể vì nội dung “Chị em Hải” là một truyện vui. Nó có cùng dạng, tính với tác phẩm “Gia đình tôi” của Duy Lam.

Phải đợi tới khi truyện dài “Con đường,” rồi những tác phẩm kế tiếp, như “Ngày tháng,” “Giờ ra chơi,” “Áo mơ phai” v.v... xuất bản, lúc đó, cõi-giới văn xuôi Nguyễn Đình Toàn mới thực sự định hình.

Tuy là người từng tỏ ra rất hưng phấn với phong trào “Tiểu thuyết mới” phát xuất từ Paris vào những năm đầu thập niên (19)40, nhưng khi sáng tác, họ Nguyễn không nhiệt tình ứng dụng những lý thuyết văn chương mà, phong trào này đề xướng. Ông vẫn xây dựng tác phẩm của mình trên những cảm nhận, kinh nghiệm riêng.

Tôi muốn nói, ông vẫn trung thành với quan niệm đi tìm một cách nói/cách viết khác” cho văn chương ông.

“Cách nói khác” đó là gì?

Bằng vào ghi nhận của tôi thì, trước nhất, họ Nguyễn không quá bận tâm vào cốt truyện. Người đọc sẽ rất khó tìm thấy những nút thắt, nút mở, hay những cao trào trong diễn biến truyện. Kế tới, người đọc cũng không thấy trong truyện của ông, những chủ tâm phân tích tâm lý, như những “chân lý” dẫn đường, hay “xương sống” của tác phẩm.

Nét đặc thù trong truyện Nguyễn Đình Toàn là những mới mẻ lấp lánh ở phần mô tả nhân vật, cảnh tượng. Bản chất thông minh, đôi khi tới cay nghiệt (với nhân vật của mình), họ Nguyễn đã mặc nhiên khai thác ưu điểm đó, để nhập vai những chiếc cầu mà, thuật ngữ văn học gọi là liên tưởng, ẩn dụ (metaphor), hoán dụ hay hoán ngữ (metonymy)...

Nếu cần phải diễn tả một cách nào khác thì, theo tôi, chúng chính là tấm gương phản chiếu chân dung tài năng, con người của ông vậy.

Sau đây là một trích đoạn từ truyện ngắn “Đêm lãng quên,” của Nguyễn Đình Toàn, khi ông mô tả cùng lúc người và, sự việc chung quanh. (6)

“Trong cái bóng đêm đen kịt của một cơn giông nín nghẹn, trận mưa đã không thể nào đổ xuống, đưa con gái hiện lên giữa khung cửa như một khối đen đặc, một mùi vị khác lạ, cái mùi vị chỉ những kẻ sống bao năm một mình như ta, mới có thể nhận biết ngay.”

(.....)

“Đưa nào đó? Tôi đây mà. Tôi có cây đèn đây. Ông nội có lửa cho con xin chút.

“Nó đứng thẳng giữa cửa, một tay giơ cây đèn lên cao. Từ trong nhìn ra, bóng của đứa con gái cất lên cái nền đen đục của khung cửa như một bức tượng nặng, tóc xõa trên tấm áo trắng ngắn, màu quần đen lặn với bóng tối. Cái bóng nặng chặn ngang những cơn gió nồng nực thổi tới làm cho hơi thở ta trở nên khó khăn hơn, có một chút gì đó đã tằm lẩn vào không khí, cái không khí lạnh nhạt ta thở hít mỗi ngày, làm cho nó trở nên cay se, mùi phấn, mùi nước hoa rẻ tiền. Một thứ mùi vị đã xa cách hẳn ta, như một tấm áo cũ lâu ngày mới được giở ra, hương vị đã phai nhạt đó lại trở nên gay gắt...”

Chỉ là một trích đoạn rất ngắn so với toàn thể truyện mà, người đọc đã thấy khó biện biệt đâu là “chính diện?” Ông già? Đứa con gái xin lửa? Bóng tối? Mùi vị? (Hay mùi vị của mọi thành phần vừa kể?)

Tôi không biết. Tôi nghĩ có thể là tất cả. Tất cả đã quyện, quyện vào nhau thành một khối. Một khối trong một thời tiết. Một không khí. Không-khí-truyện-Nguyễn Đình-Toàn.

Lại nữa, với tôi, ở lãnh vực đối thoại, (diễn hình đối thoại trong truyện dài “Giờ ra chơi” (7), họ Nguyễn cũng cho thấy bản chất thông minh (đôi khi tới cay nghiệt) của ông, cũng đã mặc nhiên làm thành tấm gương phản chiếu chân dung tài năng hay, nét đặc thù Nguyễn Đình Toàn. Dù cho những đối thoại ấy (giống như đa số đối thoại của các nhà văn khác), không xứng hợp với tâm thái nhân vật. (Chúng là tiếng nói của chính tác giả, trong văn chương.) Nhưng, với cõi giới văn xuôi họ Nguyễn, tôi chưa thấy một ai cất tiếng hỏi. Họ không chỉ chấp nhận mà, dường như còn hân hoan đón, hưởng.

Từ đây, tôi muốn ví những nét đặc thù kể trên của họ Nguyễn, là những “Máy Định Vị/GPS,” giúp người đọc tìm được một cách chính xác ngôi nhà văn chương Nguyễn Đình Toàn - Một địa chỉ đẹp của hai mươi năm văn học miền Nam.

(30 tháng 3, 2011)

Chú thích:

(1): Jean Paul Sartre, triết gia, nhà văn Pháp (1905-1980), được trao giải Nobel Văn Chương năm 1964. Nhưng ông đã từ chối.

(2) Albert Camus, nhà văn Pháp, Giải thưởng Nobel Văn Chương 1957. Ông sinh năm 1913, mất năm 1960.

(3): “Văn học thế giới hiện đại” bản dịch từ Pháp ngữ của dịch giả Bửu Ý. Nhà Xuân Thu Hoa Kỳ, in lại tại Mỹ theo bản in ở Việt Nam. Nhưng, không ghi ngày tháng và, cũng không ghi tên nhà xuất bản đầu tiên. Người đọc cũng không tìm thấy một dấu chỉ nào để từ đó có thể suy ra ngày nguyên bản được phát hành; cũng như ngày bản dịch được hoàn tất!

(4) Sđd, các trang 62, 63 và, 64

(5) Nguyễn Đình Toàn sinh ngày 6 tháng 9 năm 1936 tại Hà Nội. Ông là cựu học sinh Chu Văn An, đã xuất bản trên 20 tác phẩm. Cuối thập niên (19)90 ông cùng gia đình định cư tại Hoa Kỳ. Tại đây, ông cho phát hành một số đĩa nhạc, gồm những ca khúc do ông sáng tác, Khánh Ly trình bày. Nguyễn Đình Toàn hiện cư ngụ tại miền Nam California.

(6) Tập truyện “Đêm lắng quên,” do Văn Uyển, XB. Saigon, 1970.

(7) Truyện dài “Giờ ra chơi,” do Khai Phóng XB. Saigon, 1970.

Hà Nội trong kỷ niệm

*Vũ Bằng, Thạch Lam, Vũ Hoàng Chương
Nhất Tuấn, Nguyễn Mạnh Côn, Mai Thảo,
Đình Hùng, Đình Hùng, Trần Quốc Lịch,
Dương Nghiễm Mậu, Hồ Hữu Tường,
Thanh Tâm Tuyền*

Nguyễn Đình Toàn



Phút chốc cả khu phố sáng rực trong ánh nắng, những hơi sương mỏng manh tan biến mau chóng, màu vôi nám đen của Tháp Rùa hiện rõ ràng đến nỗi thoạt trông thấy người ta có cảm tưởng trông thấy những mảnh vôi khô cong, bong ra khỏi tường, và mặt hồ trong xanh như một con mắt long lanh nước mắt, những ngọn nước chói ánh mặt trời giống như đồng tiền mới, và bên kia hồ, những biệt thự, những ngôi nhà mái đỏ vừa mới đây còn khuất sau những bụi cây, còn được che phủ bởi những đám sương chợt hiện ra rạn rỡ, những viên ngói đỏ tươi mà hơi sương đang dần dà bóc đi mỗi lúc như càng lấy thêm được màu son thắm, trên những lối đi quanh hồ, tiếng guốc reo vang như mang cùng một nhịp với những trái tim, thiếu nữ, sớm chủ nhật nghỉ học đi dạo phố, đi thăm bạn, đi lo những công việc nhỏ nhặt cho gia đình, những cặp tình nhân trời mới hừng nắng đã mỗi chân rử nhau vào ngồi trên những chiếc ghế nhỏ trong mấy quán nước bên bờ hồ, trước những ly nước đá.

Nhìn sâu về phía sau công viên, nhà ngân hàng cao, xây bằng đá xám trông như một pháo đài kiên cố.

Đó là nơi Lan mỗi buổi sáng đi học đều đạp xe ngang qua, con đường sạch sẽ, rộng và quang đãng nhất thành phố, những ngày nghỉ học các cô nữ sinh, thường dựa xe trên vỉa hè trèo lên những bậc cấp đứng chụp hình, phơi nắng, rồi từ đó ríu rít đi tới nhà Bác Cổ, ra bờ sông, băng ngược lên nhà hát lớn thành phố, vào mùa sấu trở bông, hoa sấu rơi lảm tãm trên mặt đường, hoa sấu nhỏ màu ngà pha lẫn màu cẩm thạch, thơm mùi thơm của trái nhiều hơn hoa, cái mùi thơm rơn rớt chua, vào mùa sấu chín, những trái sấu chín vàng biến dần sang màu hồng đỏ lốm đốm những vết thâm, đó là lúc tất cả hương hoa và chất chua đã biến thành chất ngọt và rưng trên mặt đường, các cô học trò đi qua có thể ngừng xe xuống, nhặt bỏ trong cặp, mang vào lớp học.

Những chiếc áo tím, những tiếng cười trong trẻo của các thiếu nữ vui đùa với nhau, dường như được cái êm ả của sớm mai, sớm mai mà cái lạnh đã làm cho không khí trong hơn, giọng cười như những mũi nhọn xuyên thẳng vào quảng không mềm dịu, và sương mai cùng với mặt trời vừa tãm lạnh vừa hơi khô, những tiếng cười dường như đang tan biến thành những giọt ánh sáng bay loang loáng trên mặt bóng của các đám lá trên lưng chừng các hàng cây, và trong những cơn mê hoặc, những thời khắc lạ lùng mà chỉ sống ở Hà Nội người ta mới thấy được những phút mà sự mùa màng và thời tiết đã ảnh hưởng nặng nề đến cảm giác và thần trí, người ta bỗng như nghe thấy cả mùa thu cười nói, lớn lên, nồng nàn, óng chuốt cái óng chuốt của những sợi lông măng trên những trái mơ, căng đầy thứ nước ngọt dưới lớp da mỏng của những trái nót chín trên nhữn cây lúc lắc, những trái lúc lắc xanh đang bắt đầu cong lên và khô đen lại, nhưng màu đen phần lớn chỉ mới lan hết phần nửa trái, nửa kia vẫn còn giữ nguyên màu xanh, đó cũng là dấu hiệu mùa thu chưa già, cái nắng rực rỡ mau chóng làm khô không khí, làm cho hơi thở nhẹ hơn, những tia nắng chiếu lọt qua đám lá sồi to bản bắt đầu loang trên các lối đi trên công viên, tiếng hắc tiêu nghe gắt hơn, và các khán giả ngồi nghe buổi hòa nhạc cuối cùng, đã cảm thấy hơi nắng thấm vào trong ngực đang dần dà làm cho ấm.

... Hồ Gươm vào những ngày nắng ấm, vào mùa xuân hay mùa hè trông giống như trái tim của Hà Nội, lao xao những đợt sóng xanh biếc, nhịp máu rộn ràng đập theo cơn vui hay ít nhất không vương chút phiền muộn của thành phố. Về mùa thu, hồ lại giống như con mắt buồn bã, và mùa đông đôi khi mặt trời in bóng của bầu trời sáng lạn một cách khác thường, hồ như nước mắt còn sót của bao thể hệ điều linh và hùng tráng, lúc nào cũng long lanh, cũng còn không ngừng xúc động.

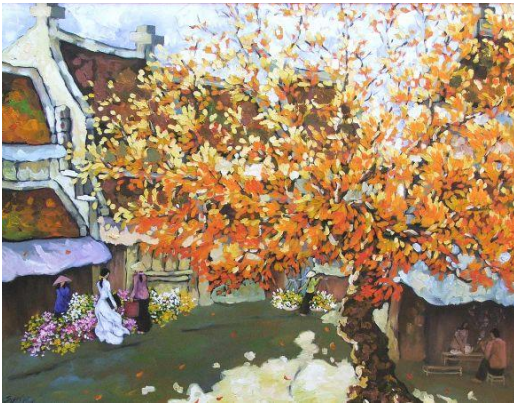
Cũng có hôm mặt hồ phẳng lặng như một tờ giấy, cả đến những con cá nhỏ cũng lặn đầu mắt, mùa đông lạnh cóng dường muốn làm cho khối nước đông lại thành một cái hồ bằng cẩm thạch. Cả hồ, cả người, cả thành phố thờ chung một sự giá buốt, mặt trời có khi cả ngày không thấy bóng. Các đám mây mang nặng những trận mưa rào, những trận mưa trút xuống như thác lũ, nhưng trận mưa không thể rơi xuống vì lạnh, những buổi chiều gió và sự băng giá đã làm cho khô se da mặt dù không có một chút nắng và mọi vật cứ tưởng tượng thì dường như có vẻ ẩm ướt, mà thực vậy, mọi người đều thở ra khói ở miệng, người ta có cảm tưởng những đám khói do mình thở ra đó sẽ biến thành hơi nước bám trên mặt nhưng sờ tay chỉ thấy sự giá lạnh khô khan.

... Tiếng gót giày vang dưới các mái hiên phút chốc như dội lại trong lòng người một nỗi bồi hồi. Những tiếng động nhỏ ấy, những hương vị mờ nhạt người thấy, cây cối trong mùa mưa, phần hương của người quen thuộc, những món ăn, thức uống, những câu thơ, những bài hát, Hà Nội giống như một cái chuông và những tiếng kêu ấy là những cách khua động, người ta tự gõ vào trí tưởng mình, tự xé lòng mình, để nhẹ bớt nỗi nhớ mong, ám ảnh của Hà Nội, Hà Nội

đã biến thành khuôn mặt người tình đầu tiên, khi người ta ghé môi hôn thì cũng là lúc cái hình ảnh ấy khắc sâu vào tâm khảm. Những khu phố dịu dàng dưới sương đêm, sáng cái ánh sáng của vầng trăng lúc nào cũng giống như, trăng khi còn thơ ấu, và những cơn gió nhẹ thổi trên các lối đi, thổi lên các cành cây, chẳng khác những hơi thở nồng nàn tình ái, người ta không thể biết rõ cái vẻ dịu dàng của Hà Nội được tẩm đẫm nhan sắc, dáng vẻ của những người đàn bà, những cô gái Hà Nội, hay chính những người này thừa hưởng cái không khí êm đềm đó, những trận gió mang đầy hơi phù sa của sông Hồng, mùi cỏ của con đê Yên Phụ, mùi rượu ngang, rêu phong của những mái nhà cũ kỹ, của những bức tường thành của ngày Hà Nội bị xâm chiếm xa xưa, của các xưởng máy, của hoa đào, hoa sấu, sắc đỏ của những bông gạo vừa tàn rụng hết trong ngày hè với muôn ngàn tiếng chim kêu hót, tất cả dường như đã tan biến trong mùa thu vừa khởi đầu thành những màn sương mỗi ngày thêm dày đặc, những lớp sương nối liền hơi thở của những người tình, những lớp sương đang dần dà biến thành làn sương mù của mùa đông sắp tới, những làn sương che kín các khu phố, mà sớm mai cùng đi trên một vĩa hè người ta có thể không nhìn rõ mặt nhau, và những đám sương có vẻ như không còn là những đám sương nữa mà đã trở thành một cơn mộng vẫy lấy mọi người, mùa màng đã biến đổi thời tiết, thời tiết đã biến đổi nhan sắc, tâm tính con người, trong cái lạnh lẽo người ta ao ước được gần nhau hơn, người ta cưới nhau vào mùa thu và mùa đông đến là vừa ấm áp, lớp sương che kín cả con sông rộng lớn, phải đợi đến chín giờ, mười giờ, mặt trời mới làm tan đi được, và màu sắc thật của mọi vật mới hiện ra, những viên ngói đỏ tươi, những đóa hoa, lá cỏ, lá cây trong cái ánh nắng của mặt trời chói lòa tưởng như muôn ngàn con mắt vừa bừng mở ngó nhau, và ánh sáng, và những cơn gió thổi qua giống như những nụ cười rạng rỡ ...

(trích Áo Mơ Phai)

Vũ Bằng



Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lạnh lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống trèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát hữu tình của cô gái đẹp như thơ mộng ...

Người yêu cảnh, vào những đất trời mang mang như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu, mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái nhớ nhung và không cần uống rượu mạnh cũng như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống !

Anh có thể đập cỏ trên Hồ Gươm, đợi đến sâm sẫm tối ra ngồi ở Thủy Tạ nhìn các cô gái đẹp như tiên mặc áo nhung, áo len trăm màu ngàn sắc, in bóng hình dưới đáy nước lung linh, anh có thể vào nhà hát thường vài khẩu trống, “mở quả mứt” phong bao cho các chị em, rồi uống

với mỗi em một ly rượu “lấy may”; anh có thể đi vào một ngôi chùa khói nhang nghi ngút, đưa mắt nhìn xem có cô nào thực xinh thì quý ngay xuống bên cạnh cầu trời khấn Phật cho cô càng ngày càng đẹp và trong năm lấy được người chồng xứng ý như ... anh vậy.

Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người tu muốn phát điên lên như thế đấy. Ngôi yên không nhìn được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lực của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti giờ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ thêm ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy dường như không còn lầy lội nữa, mà cái rét ngọt ngào, chứ không còn tê buốt căm căm nữa.

Y như những con vật thu mình một nơi trốn rét, thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thèm khát yêu thương thật sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ thánh, bàn thờ tổ tiên, làm cho lòng anh ấm lạ ấm lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra giàng mở hội liên hoan.

Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu – của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng. Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại nức một mùi hương man mác.

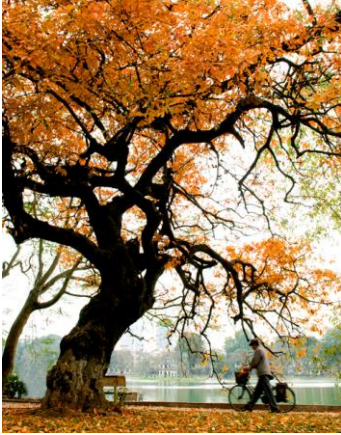
Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vật xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lý, con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sóng hồng hồng rung động như cánh con ve sàu mới lột.

... Ờ, cứ vào dạo này đây, ở Bắc người ta đi lễ vui đáo để. Chiều chiều, đứng ở nhà Khai Trí Tiến Đức nhìn lên cầu Thê Húc sơn đỏ ở giữa đám cây xanh đông đảo, những người đi lễ trong ngôi đền Ngọc Sơn trắng toát, anh cảm thấy có những lúc nước lộn lên trời, trời rơi xuống đất khi nhìn những bóng người hiện ra huyền ảo ở dưới những làn nước xanh mơ.

Qua ngõ Hồ là đến Hàng Trống có tiếng là “hương ngát của trời”; quá ra đến Hàng Hai là đền Quan Phước, ai mắt người, mắt của đến cầu xin thì thấy; từ đó ngược lên ra lối tòa án là chùa Quán Sứ - Ờ, chắc bây giờ mấy cây thông bách tán ở trước chùa đã lớn lắm rồi đấy nhỉ ! Thế rồi là chùa Dâu, chùa Kim Cổ, đền Quan Thánh, chùa Trấn Quốc thờ ông thánh Đồng đen, chùa Bà Đá, chùa Liên ... Trời ! biết bao là chùa đẹp, biết bao nhiêu là cảnh nên thơ, biết bao nhiêu người đi lễ cầu con, cầu của !

(trích Thương Nhớ Mười Hai)

Thạch Lam



Kể về các thứ quà mặn, thì Hà Nội có nhiều : nào bún riêu, bún chả, thang cuốn, nem chua, nào miến lươn và bún ốc. Mỗi thứ, tất nhiên có một vị riêng, và cả đến mỗi hàng, lại cũng có cái ngon riêng.

Tôi thích nhất cô hàng bún ốc; không phải vì món hàng cô tôi thích ăn – xin thú thực rằng tôi sợ các bác ốc lắm – nhưng vì tôi thích nhìn người ta ăn, vì nghĩ thức quà của cô là cái điểm không thể thiếu được của một cảnh bình dân hoạt động trong cái ngõ con và trên các bờ hè. Người ta xúm lại ăn quà bún ốc một cách mới ngon lành làm sao ! Có ai buổi trưa vắng hay buổi chiều đêm khuya, đi qua các nhà cô đầu, và các chị em thanh lâu, thấy họ ăn cái quà ấy một cách chăm chú và tha thiết đến đâu không ? Nước ốc chua làm nhăn các nét mặt tàn phẩn và mệt lả, miếng ớt cay làm soa suýt những cặp môi héo hắt, và khiến đôi khi rỏ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình.

Cô hàng ốc có một cái dụng cụ, một đầu là búa, một đầu là dùi nhọn. Một cái gỗ nhẹ, và một cái trở tay, là con ốc nguyên cả ruột đã gọn gàng rơi mình vào bát nước. Cô thoăn thoắt rút ốc không kịp, trông thấy người ta ăn ngon lành chính cô sinh thêm. Ấy có lúc cô thú thực với tôi như thế.

Cùng họ nhà bún, riêu cua và thang cuốn vốn là quà sở trường của các bà. (Mà nghiệm ra cái triết lý sâu sắc này : thứ quà nào bán cho các bà bao giờ cũng đắt hàng, vì hai lẽ : một là vì các bà nội trợ bao giờ cũng sẵn tiền, hai là các bà ăn quà đã thành tục ngữ, ca dao). Lại có một điều : nhà mình làm lấy, dù bà vợ khéo tay đến đâu, ăn cũng không thấy ngon bằng mua của hàng rong, nhất là hai thứ thang và riêu. Tại sao vậy ? Có ai tìm ra cái triết lý thứ ba không ?

Miến lươn là thứ quà ăn bổ âm, nhiều người bảo thế. Đàn ông thì không tin, nhưng đàn bà thì dễ tin lắm. Thế cho nên đã thấy nhiều ông chồng không thích ăn lươn mà vẫn bị các bà vợ ép cho ăn dù tiền các bà ấy trả lấy. Tình nghĩa đằm thắm của vợ chồng, đôi khi có thể lấy nhiều ít miến lươn mà đo được.

Ấy, suýt nữa đi khỏi các thứ quà cốt bún, mà tôi quên nói đến thứ quà bún quan trọng và đặc điểm nhất của Hà Nội ba mươi sáu phố phường : đó là thức quà bún chả.

Phải, cái thức quà tầm thường đó, sáu tỉnh đường trong, bốn tỉnh đường ngoài, chẳng có đâu ngon bằng kinh đô. Ai cũng phải công nhận như thế, hay ít ra những người sành thưởng thức. Một ông đồ cuồng chữ ở nhà quê, một hôm khăn gói, ô lên Hà Nội, đã phải ứng khẩu đọc hai câu thơ như thế này, khi ngửi thấy mùi khói chả.

Ngàn năm bửu vật đất Thăng Long

Bún chả là đây có phải không ?

Mà cảm hứng thế là chí phải. Khi ngồi cuối chiều gió, đói bụng mà đón lấy cái khói chả thơm, thì ngai dễ thành thi sĩ lắm. Khói lam cuộn như sương mờ ở sườn núi, giọt mỡ chả xèo trên than hồng như một tiếng thở dài, và tiếng quạt khe đập như cành cây rung động, quà bún chả có nhiều cái quyến rũ đáng gọi là mê hồn, nếu không gọi là mê bụng.

Những thứ rất là tầm thường, rất là giản dị mà đi gần nhau sao lại sinh ra được mùi vị riêng như thế ? Ai là người đầu tiên để ra bún chả ? Người đó đáng được ta nhớ ơn và kính trọng ngang, hay là hơn với người tạo tác phẩm văn chương... Có lẽ người kia còn làm ích cho nhân loại hơn là người này nữa. Tiếc thay tên người tài tử đó thất truyền, để không kê liệt vào cái sổ vàng của những danh nhân “thực vi đạo”.

Thứ bún để ăn bún chả, sợi mảnh và cuộn từng lá mỏng, khác với các thứ bún thường. Chả phải có thịt ba chỉ, mà phải dùng cặp tre tươi nướng mới ngon. Quái, sao cái nước chấm của các hàng bún chả ngon thế ! Có lẽ vì họ dùng nước mắm hạng vừa, nghĩa là không mặn, pha với dấm hạng vừa, nghĩa là không quá chua, cho nên thành ngon chẳng ? Nước chấm ấy mà điểm thêm mấy giọt chanh vào thì tuyệt : có thể thấm nhuần được cả bún lẫn rau, cả chả mà không mặn, không gắt như nước chấm ở nhà.

Nhưng bún chả Hà Nội đặc biệt có lẽ vì cái rau húng Láng. Vì chỉ có rau húng ở Láng là có mùi vị húng, đem trồng chỗ đất khác, sớm chậm rồi cũng đổi ra mùi bạc hà – (Viết đến đây tôi lại nhớ đến bác Tú Mỡ thường mời bạn hữu ăn và thường khoe là mình ỉn dặt trong rừng húng) ... Thế cho nên bún chả thì phải là bún chả Hà Nội mới đủ vị cho người thưởng thức và phải là bà bún chả xưa vẫn ngồi trước đền Bạch Mã, hàng Buồm mới là bán hàng ngon. (Tất nhiên còn nhiều các hàng khác ở phố khác cũng ngon không kém, nhưng tiếng tăm chưa nổi đó thôi).

Tôi đã toan chấm hết cái bài nói về quà bún, thì một bà – hẳn cũng là một người sành ăn – đến trách rằng : anh nói đến quà bún mà quên không nói đến quà bún bung thì hẳn là một sự bất công. Vì bún bung là một thứ quà ngon lắm, mà lại là một thứ quà rất An Nam.

Tôi biểu đồng tình và vội vã bỏ vào chỗ khuyết điểm ấy để khỏi phụ lòng những bà sành ăn bún, và để khỏi phụ công cô hàng xóm gánh nồi bún nóng đi ra khắp phố phường. Tôi còn nhớ rõ trên đầu lược, tề như một lược rừng mình nhẹ, cái vị đậm ngọt và hơi ngứa ngứa của những miếng dọc sơn hà. Cái thứ rau này, sao mà khéo đi với bún thế, tựa như trời sinh ra để nấu bún, và cái hòa hợp dịu dàng không ở đâu là không có, trong một tác phẩm văn chương cũng như trong một nồi bún nấu khéo.

Cây sơn hà (cây mùng) vốn là một giống tựa như cây khoai mà lá to, củ thì nhỏ và tròn như quả trứng, luộc lên ăn cũng ngon. Dọc cây, người ta tước vỏ và chẻ nhỏ, nấu kỹ cho rõ như. Một vài miếng mầu đầu sườn nấu để lấy nước ngọt, một ít nghệ để nhuộm các thức ăn ấy một màu vàng của dáng chiều những ngày mùa hạ. Thêm dấm quả cà chua đỏ, một vài miếng đu đủ xắt vuông, mầu trong mỡ như ngọc quý. Chừng ấy thứ mà có sợi bún trắng vắt qua như cái giây liên lạc những thức thực xa nhau, mà vì sự sành ăn của loài người bỗng chợt trở nên gần gũi. Thế là bát bún bung không biết bao nhiêu vị điểm lẫn cho nhau như các tiếng của một bản đàn. Nếu ngai lại thích ăn cay nữa, thì mấy lát quả ớt chỉ thiên, đủ khiến cho vị quà thêm cái nóng rực rỡ và thắm màu của những gia vị lạ nơi Ấn Độ.

Lại có một vị khác hẳn ấy là hai thứ bún sườn và canh bún. Bún sườn thì hiền lành thôi, vẻ sắc xảo chẳng có gì. Cứ quý hồ nước cho ngọt, bún cho dẻo là được rồi. Người ta ăn bún sườn cũng như đọc những tiểu thuyết ngon ngọt, thích thôi chứ không ham mê. Không có người ghét nhưng cũng như không có người tha thiết quá. Cái gì cũng nửa chừng.

Canh bún thì đã cao hơn một bậc : vì có rau cần, sánh và gấc, và nhất là có cá rô con, lạng từng miếng một, cũng có nơi nấu với cải, nhưng không ngon bằng. Thịt rô ấy đem lại cho thức ăn một vị đậm khác thường, không hiền lành, bởi vì chỉ ngon trong một độ nào đó, khiến người ăn có cái cảm tưởng đi gần một vị ghê lợm ở đầu này và ở đầu kia, và bởi thế, càng khiến cho thức quà thêm ngon hơn, có cái ngon của sự chênh vênh lo sợ ... Thực vậy, canh bún để nguội thì tanh mà đun nóng quá thì nồng. Ấy bún chỉ ngon lúc nóng vừa độ miệng ăn vừa suýt soa. Và người ta cho hồ tiêu vào, để thêm cái cay nóng có mực thước.

(trích Hà Nội 36 Phố Phường)

Dạ Hội Đình Hùng



Hà Nội mùa thu với hoa gạo

Đèn quanh Thủy Tạ, hội đêm hè,
Em đến phương nào ? Đây ngựa xe
Đáy nước hoa chìm, giăng ẩn hiện
Thơ phòng khánh tiết, nhạc Schubert

Mời các cô em trang điếm vào
Má hồng gợn chút mới thanh tao
Thuyền thơ anh đợi nghiêng tình tứ
Nghìn chiếc hôn bay, thoáng phấn đào.

Khiêu vũ đêm nay, mộng trá hình,
Trong vườn Quên Lãng, áo ai xanh ?
Lòng ai hóa bướm phù tang nhĩ !

Ta chọn nhâm hoa, lẫn Ái Tình.

Tha thướt trời Tây gái đẹp về,
Phương này ta hẹn với Tây Thi.
Thẹn đâu trinh bạch bàn tay phấn ?
Tuyết nguyệt dài chẳng, phải đợi kỳ ?

Tuổi hạc giảng tròn em vẫn si,
Lẳng lơ, ai nép mặt hoa quỳ ?
Phượng Liên nàng ấy điên vì mộng,
Lạc gió thần tiên, kịch Shakebseare ...

(Trích Đường Vào Tình Sử)

Tâm Sự Phố Phường Vũ Hoàng Chương



tranh Phạm Luân

Tâm sự chìm sâu bụi phố phường
Nghẹn ngào hơi thở lớp tang thương
Hỡi ơi ! Hà Nội bao đêm trắng
Từng đón lòng ta mỗi ngã đường.

Vi ta nghe thấu vào hơi thở
Nhìn thấu vào tâm sự bốn phương
Tiềm thức đêm đêm trời rộng mở
Ta chờ linh cảm ý quê hương

Không gian từng kết hình trong mộng
Và sắc thời gian ở chiếu giương
Sông núi xa xưa về hiện bóng
Hồn say ta vượt hết biên cương.

Lẽ đâu và nữ nào ta để
Cổ quận riêng mình xót nhiều nhưong
Trận gió ghê tanh mùi chiến địa
Thành mây rợn đỏ máu tà dương

Hồ gươm đáy sóng rùa chân tháp !

Ta hiểu rồi, người, nỗi đoạn trường !
Gió lại còn tanh mùi phấn sáp
Và mây còn đỏ máu hiền lương

Ngõ cụt nào kia trăng lạnh lắm ?
Ngã ba này nữa sấm màu sương !
Thanh bình cõi ấy xa nghìn dặm
Gạch ngói nằm rên rỉ vết thương

Từng con mắt gỗ hoen dòng lệ
Tiếng khóc thầm dâng mỗi vách tường
Đá cũng nhàu gan bia tiến sĩ
Cây vườn bách thảo tóc pha hương

Chợt tiếng ai gào muôn điệp khúc
Tự hồ Tây lại Đổng Đa sang
Cầu Long Biên với Cầu Thê Húc
Bền sắt tươi son hẹn đá vàng

Tâm sự bấy lâu đà cởi mở :
Thanh bình không phải giấc mơ hoang !
Đêm nay Hà Nội đầm hơi thở
Vào nhịp cười say một gã cuồng.

Thanh Tâm Tuyên



Mùa xuân còn mới nguyên, thành phố có vẻ thay đổi nhiều. Không hiểu vì mấy tháng Đồng mới lên đến phố hay dư âm của mấy ngày tết còn lại. Mưa bụi bám trên áo, Đồng bỏ tay trong túi quần đi lẫn với đám đông trên vỉa hè. Lẫn trong những màu áo phụ nữ và y phục tề chỉnh của thanh niên, Đồng khám phá những gương mặt ngớ ngẩn với quần áo cũ kỹ, những màu nâu quê mùa lạc lõng của những người mới hồi cư. Những nhà đồ nát hai ba năm trước đã biến mất từ lúc nào, thành phố đông hơn đang cố gắng xóa mờ dấu vết chiến tranh. Đồng hút lại thuốc lá sau mấy tháng kiêng cử, hơi thuốc nồng đậm. Đồng nghĩ đến một người để chuyện trò, một người để có thể mình ngồi im nghe tiếng nói. Có ai không ? Trên bảng dán báo của phòng thông tin, Đồng nhìn thấy ảnh ông bố nga trong một buổi lễ. Souvenir Souvenir que me veux tu ? Giọng âm thầm trong cơn say của Thạch. Người ta đứng cạnh thức vào mạng sườn Đồng rồi nghe rằng ra cười. “Không nhớ tôi à ? Nhai đây ?”. Đồng nhìn khuôn mặt dài, cặp mắt nhỏ hơi lác chỉ nhớ mang máng. “Quên hả ? Học cùng với nhau ở Sinh từ. Nhớ thằng Thạch không ?” Đồng gật đầu. Nhai nói huyền thuyên, mừng rỡ rủ Đồng về nhà chơi. Nhai hỏi có gặp Thạch không. Đồng nói gọn : nó bị động viên. Còn cậu ? Inapte définitif. Nhai cười hề hếch xấu xí :

cũng như tôi. Nhai dẫn Đồng về phố hàng Bè, đi vào một cửa hiệu bán sơn ta, những thùng chum màu đen, màu sơn nâu đỏ đặc quánh – lên gác. Gia đình Nhai đông người, gian gác bệ bộn chậ chội, mới hồi cư đầu năm ngoái, Nhai đang học rút để bắt kịp những năm chậm trễ. “Câu học đến đâu rồi?”. “Văn khoa” Nhai đưa Đồng ra đứng ngoài ban công, trông xuống phố chỉ khoe với Đồng những nhà hàng xóm có con gái đẹp. “Đến chơi với tớ luôn tớ giới thiệu cho ...” Xế cửa là một lớp học tư tập nập suốt ngày nhiều nữ sinh. “Phố này tập trung nhiều hoa khôi ở Hà Nội”. Đồng tựa tay vào lan can, nhìn được suốt phố vào giờ vắng vẻ. “Nếu gặp Thạch rú nó đến chơi với tớ ...” Đời sống với Thạch hiện tại đã quá cách xa cái đời sống của Nhai. Chúng ta chỉ có chung một vài kỷ niệm của thời ấu thơ mà thôi – ngay với tôi cũng vậy, có lẽ tôi cũng đã mất hẳn đứa bạn thân nhất. “Tớ định ra thư viện học cho tỉnh lại gặp cậu ...” Đồng cười nghĩ đến, thật đã xa xôi thời bốn đứa gặp gỡ hằng ngày tại phòng đọc sách. Ôu sontles neiges d’antan ? quá khứ rất gần bị đẩy lui thành dĩ vãng, tôi phóng đi trong thời gian và tưởng như sắp đến ngày cuối.

(trích Ứng Thi)

Hà Nội Ơi ! Nhất Tuần



Hồ Tây – Chùa Trấn Quốc

Lần cuối cùng tôi giã từ Hà Nội
 Buổi đi chơi hôm đó ... bỗng dưng buồn
 Chiều mùa thu mây đầu núi dâng lên
 Trông thấp thoáng những hình thù vô nghĩa
 Gió hồ Tây chạy trên hàng phượng vĩ
 Nghe u trầm như tiếng nhạc xa xôi
 Nhìn nhấp nhô trên nước cụm bèo trôi
 Theo lớp sóng nghiêng mình phơi nắng biếc
 Tôi sợ rằng giã từ là vĩnh biệt
 Rồi bao giờ mới gặp lại Thăng Long ? ...

Bao năm qua tôi vẫn cứ chờ mong
 Ngày trở lại nẻo đường thành phố cũ
 Ở miền Nam ... có nhiều đêm không ngủ
 Nhớ vô cùng ... Hà Nội của ngày xưa !
 Đường Cổ Ngư còn những cảnh nên thơ

Hồ Tháp Bút nước xanh hay ngả đục ?
Những nẻo phố xưa có còn tấp nập
Trường Trưng Vương còn vạt áo lam bay
Sáng mùa xuân chim có hót trên cây
Phượng vĩ vẫn nở đều khi hạ tới ?
Và mùa thu (những chiều mưa phơi phơi

Những chiều mưa ... Hà Nội có còn mưa ?)
Để từng đêm trong giấc ngủ say sưa
Chợt tỉnh dậy khi đông về lạnh lẽo
Nghe gió sông Hồng bay từ muôn nẻo
Nghe sóng sông Hồng tấu khúc nhạc thơ
Và sáng ra, khi chậm bước quanh hồ
Thấy Hà Nội bỗng nhiên thêm rục rĩ
Vi màu áo của những người dạo phố
Len xanh ... rồi dạ tím ... với nhung hồng
Hà Nội ơi ! Hà Nội có buồn không
Khi thấy mất những người quen thuộc trước.

Hà Nội ơi ! ta vẫn còn nguyện ước
Một ngày mai về giải phóng kinh thành
Ta sẽ đi tìm một khoảng trời xanh
Một góc phố buồn với tàn cây kỷ niệm
Ta sẽ đi trên những con đường mà ta hằng nhớ đến
Và soi gương trên mặt nước Hồ Gươm
Để lòng ta rạo rạt những tình thương
Hà Nội nhé ... chờ ta về giải phóng.

Những Mùa Hè Hà Nội



Hoa phượng đường Ngọc Sơn

Bây giờ là mùa hạ
Hoa phượng đỏ một trời
Gợi cho anh kỷ niệm
Của quãng ngày xa xôi

Ngày ấy hai đứa mình
Còn ở ngoài Hà Nội
Ngày ấy em và anh
Tan học về chung lối

Con đường Phan Bội Châu
Đầy lá me, lá sấu
Nắng thêu hoa trên đầu
Bướm vẽ vòng bên dậu

Những buổi chiều Cổ Ngư
Mình sóng đôi bến lữ
Rời ngòi nhìn vãn vờ
Từng cánh bướm chuyển bến

Bóng tối chìm xuống hồ
Một trời sao lấp lánh
Nhạc gió êm như thơ
Tan trong làn sương lạnh
Những mùa hè Hà Nội
Của anh và của em
Bao nhiêu là kỷ niệm
Ôi dĩ vãng thần tiên

Bây giờ là mùa hạ
Mười chín năm qua rồi
Bắc Nam chia đôi ngã
Mỗi đứa một hướng trời

Rưng rưng anh nhớ lại
Những mùa hè xa xôi

(Trích Truyện Chúng Mình)

Nhớ Về Hà Nội **Trần Quốc Lịch**



Gió thu về mặt Hồ Gươm gợn sóng
Nhìn liễu xanh em có thấy xôn xao
Vẫn vàng trắng của mười mấy năm nào
Em có thấy đáng anh buồn trong đó.

Đê Yên Phụ im lìm bên Bác Cổ
Đường Cổ Ngư còn lộng gió hồ Tây
Đền Voi Phục đâu còn ngày chủ nhật
Của mùa xuân hái lộc má hồng hồng

Đường Ngọc Hà còn người lên Bách Thảo
Cầu Long Biên xe lửa có còn qua
Ngọc Sơn xuân về còn ai xin thẻ
Còn cụ già viết liễn cạnh cây đa

Rồi đông sang em có còn đan áo
Gởi cho anh như thuở mới yêu nhau
Và giấc mơ làm chú rể cô dâu
Còn ấp ủ hay đã thành thiếu phụ.

Phố Bạch Mai con đường tàu điện cũ ?
Qua chợ Hôm, phố Huế đến hàng Khay
Đạo quanh hồ qua hàng Trống hàng Gai
Em có thấy chợ Đồng Xuân còn họp

Chu Văn An ngày nay còn tấp nập
Và Trưng Vương, Nguyễn Trãi với Hàn Thuyên
Chuông đổ hồi khai thánh lễ nửa đêm
Ai đi lễ nơi nhà thờ Dũng Lạc

Ôi thương nhớ biết làm sao nói được
Em của anh và Hà Nội ngày xưa
Chiều hôm nay khi nghe gió sang mùa
Xin cầu nguyện cho chúng mình gặp lại.

Nguyễn Mạnh Côn



Hà Nội ! Tôi muốn hiểu tại sao, mỗi khi nhắc đến Hà Nội, từ đâu đó trong tim tôi lại dâng lên mỗi hoài cảm man mác. Nói rằng tiếc, rằng thương, chưa chắc đã đúng bao nhiêu. Vì tuổi trẻ của tôi tuy có đẹp, vì tuổi trẻ ấy đã mất rồi – tôi cũng không muốn dối lòng rằng quá khứ thanh niên ấy chẳng có gì đáng được gọi là tươi tốt. Còn nói rằng Hà Nội mang nhiều kỷ niệm yêu thương, nên cứ mỗi lúc nghĩ đến người xưa, thì tất nhiên kẻ vong tình đến đâu cũng phải bùi ngùi se sắt ... nếu nói thế, tôi thiết tưởng cũng không đúng bao nhiêu. Vì thật sự tôi đã suốt đời thèm khát mà không được yêu – nghĩa là yêu được một tâm hồn hay thân thể diễm kiều nào.

Nói như thế nghĩa là tôi rất ít kỷ niệm làm cho tôi rung động về đô thành Hà Nội. Nhưng tôi vẫn không sao ngăn chặn được cái cảm giác bồi hồi khó tả của một người đang lúc phân vân : nửa muốn gặp để thỏa tình ao ước, nửa muốn không, vì một niềm suy tư tàn nhẫn. Rằng bao nhiêu tình cảm là bấy nhiêu bị lừa. Tình cảm là một thói quen thống trị, một sự man trá khổng lồ. Nếu người ta hỏi từ thuở lớn lên mà không nghe nói, không đọc sách nói về thương yêu, thì bạn hay tôi liệu có tự gán cho mình cái bổn phận phải phục tùng chế độ, hay tự huỷ hoại chính mình về một thứ si mê hoàn toàn nhục thể hay không ? Tôi có cảm tưởng như đã có lúc tôi tin theo một lời nói vô tình. Nhưng chỉ trong một khoảng tháng năm ngắn ngủi mà thôi : tôi không cãi được, nhưng tôi cũng không thể nhìn ngược đường đi, đoạn ngắn nhất cũng không thiếu gì bằng chứng ...

Tôi muốn thật với tâm tôi. Và lại thà không biết không sao, còn đã trót biết, tôi cam nhận trả lời. Quê hương tôi kia ! Tổ quốc tôi đây ! Hà Nội phải chăng là biểu tượng của một tự ái nghèo nàn, ở những kẻ hẹp hòi ích kỷ ? Vì đáng lẽ hôm nay tôi phải ghét bỏ, thâm thù Hà Nội. Vì đã hơn mười năm rồi mà Hà Nội chẳng hề nổi loạn. Thủ đô của quê hương đã chấp nhận kỷ luật, đã hòa theo kẻ thắng trận rồi sao ?

Tôi không biết, và có biết cũng thiếu dữ kiện đáng tin, và có dữ kiện đáng tin cũng phải nhận ngay trong tâm tư của tôi cũng có nhiều thay đổi. Giá được về Hà Nội hôm nay, tôi đã chắc gì tìm thấy những xúc động mà tôi chờ đợi ?

Một lô câu hỏi về Hà Nội tương tự như nhau. Tôi không còn được yên ăn, yên ngủ. Tôi phải cố trả lời. Để ít nhất cũng được yên tâm. Cái đáng xấu hổ trong con người không phải là sự sai lầm hay bị đánh lừa nơi tình cảm. Tôi chỉ sợ một điều, là đã biết rồi mà không dám nói. Hà Nội ! Hà Nội ! có thật không, “mi có một linh quán quít lấy hồn ta và bắt nó phải thương yêu quý mến”.

(trích Nhớ Về Hà Nội Văn 42)

Dương Nghiễm Mậu



Em hỏi anh : Tại sao viết văn gì mà toàn những chuyện ở đâu mãi ngoài Hà Nội, trong này không có chuyện gì để viết sao ? Hồi ấy còn em anh đã nói : vì anh yêu em như yêu Hà Nội. Câu nói đùa cợt ấy ngờ đâu lại là sự thật của tâm khảm anh. Có thể nói khác, vì Hà Nội ám ảnh anh, cũng như hình ảnh em những ngày tháng này. Những ám ảnh mang một tâm trạng luyến tiếc nhớ mong lây lất trong cùng tận tâm não. Một ý nảy ra trong óc; một câu chuyện xuất hiện, ngồi vào bàn viết thì cùng một lúc những hình ảnh cũ của cuộc sống cũng sáng theo, xứ là thành phố cũ thành nơi sinh sống, một căn nhà làm nơi trú ngụ và những đường phố hàng Đào, hàng Than, Ô Yên Phụ nhân vật phải đi qua. Cũng như một nhân vật con gái trước mặt, thì hình ảnh em hiện lên cho anh tô vẽ nét đậm đà, vẻ buồn bã hay đáng tung tăng. Ở quanh đây những chuyện vẫn xảy ra, vẫn có những người con gái khác, nhưng Hà Nội và em đã ngự trị trong anh, xua đuổi, tràn ngập những khung cảnh mới, những khuôn mặt lạ. Sự ngự trị nhiều khi anh tưởng không còn hay đã cố đánh bật, nó vẫn xuất hiện ngang nhiên không sao kềm hãm được, nó thấp thoáng ẩn hiện khi nhiều khi ít. Có ai dám chắc rằng mình đã hoàn toàn quên lãng được quá khứ ? Có nhà văn nào tự cho trong tác phẩm của mình không hề cho nhân vật mượn cuộc sống, kỷ niệm của mình trải qua ?

(trích Dĩ Vãng Hà Nội Văn 42)

Hồ Hữu Tường



Thế là chúng tôi về Hà Nội, Khuê đưa tôi vào một căn phố ở hẻm Sinh Từ, cả ngày không có ai lai vãng, đến quá khuya mới có người về lật đặt thay đồ ngủ, để sớm lại đi. Ở lâu, tôi mới biết người ấy là Phạm Ngọc Khôi, vừa làm công chức, vừa là đạo diễn cho một ban ca kịch, nên

mới đi sớm về khuya và cả tháng chưa nói với tôi một câu. Mỗi ngày hai lượt, tôi đi độ dăm mươi thước theo phố Sinh Từ, mà đến nhà họa sĩ Hoàng Tích Chù để ăn cơm. Thế là mỗi ngày bốn lượt tôi đếm bước trên con đường mà Tú Uyên gặp Giáng Kiều lần đầu. Ngay bữa đầu, khi Khuê dắt tôi đi trên phố Sinh Từ, để cho biết nhà Hoàng Tích Chù, việc Tú Uyên gặp Giáng Kiều nơi này đã được nhắc lại. Và Khuê bí mật nói:

- Rồi đây anh sẽ gặp Giáng Kiều của anh.

(trích Phố Sinh Từ)

Hà Nội Một Ánh Lửa Đã Tắt Mai Thảo



Thời kỳ tản cư ra khỏi thủ đô Hà Nội, bấy giờ là 46, toàn quốc kháng chiến lang thang suốt ba bốn năm liền ở mấy tỉnh phụ cận với năm cửa ô và ba mươi sáu phố phường là Sơn Tây, Hà Đông, Phủ Lý, buổi tối nào với tôi cũng có một khoảng thời gian nhỏ dành cho nhìn về Hà Nội. Đứng dưới một gốc cây, tôi trèo lên cành. Ở giữa một cánh đồng, tôi leo lên mặt đê. Một bụi tre làm cho khuất lấp? Tôi lần ra khỏi ngõ. Và như thế, đứng cái thế đứng chênh vênh trên một ụ đất, một gò đồng, tôi mê mải ném tầm mắt cho bay qua một khoảng trống trải rộng nhìn về cái phía có một vùng ánh sáng lung linh hư ảo bốc lên. Trời của chiến thời mới khởi dấy hồi đó, đêm nào cũng tối đặc như trời ba mươi tết. Tiêu thổ lướt qua như một bóng rợp khổng lồ, tất cả những thị trấn đã nằm xuống thành bình địa. Duy Hà Nội còn đứng vững với những kiến trúc tiền chiến và tiền khởi nghĩa, duy Hà Nội còn ánh sáng, còn mái ngói, còn cửa sổ, hàng hiên và những ngọn điện đường. Cho nên, giữa một địa hình làng xóm tối đen hoa mắt, bên này một vòng đai trắng, mà đứng ở đâu, tôi cũng quy định phương hướng Hà Nội thật dễ dàng, bằng vùng hào quang của Hà Nội ở xa xa, vùng hào quang chập chờn, nghi ngút, như dấy bốc lên từ một miệng lò vĩ đại. Màu hồng của lửa ném lên khoảng không mịt mùng ở một góc trời, đó là cái ấn tượng, cái hình ảnh cuối cùng Hà Nội còn gửi đến cho tôi, tôi đã ở xa rồi, đêm tối vây quanh, nhưng tôi còn nhìn thấy lửa của Hà Nội, và lửa ấy đã cháy sáng trong hồn tôi thành một tình yêu lớn. Kể thức với đêm dài đến chán ngấy, đợi chờ một ánh nắng bình minh thấy cái đĩa mặt trời đỏ lửa hiển hiện, niềm vui có lẽ cũng chỉ ngang bằng với niềm vui mừng đầy xúc động của tôi, khi nhìn thấy vùng lửa xa của Hà Nội trong đêm. Suốt mấy năm đầu của một lưu động trường kỳ, tôi không rời được mấy khu vực kế cận với Hà Nội, tôi quần quanh với những hàng xóm Hồng Hà, tôi lưu luyến với những bãi bờ sông Đáy, nguyên nhân tình cảm sâu nặng kín thắm là ở đó, nơi tôi không rời xa một ánh lửa đêm, ánh lửa tạo cho tôi cái cảm giác Hà Nội còn gần, và phía lửa Hà Nội còn kia, tôi còn có thể một ngày trở về Hà Nội. Lửa của trời Hà Nội. Lửa hồng bên trên, Hà Nội dưới lửa. Lửa cháy thành năm ngọn, mỗi ngọn một cửa ô. Lửa đỏ

ba mươi sáu tầng. Mỗi tầng một phường cũ. Nhìn thấy lửa Hà Nội xa xa chập chờn dấy bốc với tường tượng dẫn đường và hình dung phóng lớn, kết tụ từ một tổng hợp của ánh sáng muôn nghìn thành một vùng lửa lớn, tôi đã thấy được Hà Nội, qua từng khu phố, từng con đường. Lửa kia là của những ánh điện thấp thoáng lơ lửng buông rữ bên bờ Hoàn Kiếm, phản chiếu lên từ mặt nước Hồ Gươm. Chỗ sáng rõ nhất của hào quang ném thẳng lên trời kia, không thể khác hơn là khu trung tâm đông chật của Hà Nội, lửa nhiều như vậy là lửa của Hàng Ngang, Hàng Bạc, Hàng Đào. Những đường viền mờ nhạt hơn, lúc có, lúc không, lúc ngời lúc tắt kia là lửa ngoại ô, với những ngọn đèn cao trên đê Yên Phụ, những chụp bóng thấp lổ vào Cổ Ngư. Và cái hàng dài như một cánh tay, lan xa thành một mũi tên vàng trong bóng tối kia, là dãy lửa hai hàng lấp lánh chạy từ phố Huế chạy tới Bạch Mai, giữa leng keng tàu điện Kim Liên trong chuyến cuối cùng về Ô Đống Mác. Lửa Hà Nội nhìn xa như thế, mê đắm nghìn lần hơn khi Hà Nội nhìn gần. Trời cứ tối đặc ở ba phương. Riêng lửa một phương Hà Nội sáng. Nhiều đêm tôi không nhìn thấy vùng lửa ấy của Hà Nội. Đó là những buổi tối có sương mù, có mưa dăng, và trời hậu phương những đêm đó, đã không còn một quê hương nào cho tầm mắt nữa.

Rời xa Hà Nội thêm, thêm những cây số đường vào miền trong, thêm những cây số đường lên miền ngược, lửa Hà Nội bỏ lại bên kia những triền núi, và những cánh rừng, tôi không còn nhìn thấy. Nhưng đi xa thuở đó, tôi đã mang lửa Hà Nội lên đường. Trong mắt đã nhạt nhòa, mà đêm đêm nhớ về Hà Nội, lửa ba mươi sáu phố phường vẫn cháy sáng rực rỡ, một vùng trời lý tưởng. Hội lửa trong tôi về Hà Nội những năm đó chưa tắt. Còn bập bùng. Còn sáng rõ. Những đêm đứng ở một đầu núi Thanh Hóa, những buổi tối đứng ở một lưng đèo Phú Thọ, xa cách với Hà Nội đã bằng một xa cách nghìn trùng, mà tầm mắt lữ thứ của tôi vẫn còn như sáng mãi vùng lửa ấy của địa hình Hà Nội trên trời Việt Nam đêm. Nói một cách khác, có thể là hết thấy, nhưng tôi vẫn nhìn về, nên Hà Nội vẫn sáng. Nói cho đúng hơn, lửa của Hà Nội đã có thể chỉ còn là thuần túy một ánh sáng tường tượng, nhưng tình yêu cũng lửa đỏ mà, tôi còn yêu, tôi còn lưu luyến, tôi còn gắn bó, nên giữa tối đen nào, Hà Nội vẫn sáng ngời, vẫn lấp lánh trong tôi. Rồi tôi trở về Hà Nội. Rồi tôi vào Nam. Và một đêm lửa Hà Nội không còn cháy nữa. Bấy giờ là vào khoảng ba bốn giờ sáng. Bốn giờ sáng của một ngày tháng bảy của năm Việt Nam mang tên là dứt rời hai miền. Chiếc máy bay bốn động cơ vừa cất cánh từ phi trường Gia Lâm. Nửa đêm về sáng của khởi hành kín đặc sương mù. Phi cơ vừa rời khỏi phi đạo, lữ cỗ bãi nơi phi trường đã nhạt nhòa thành một biển sương đặc quánh. Chiếc phi cơ lượn vượt qua Hồng Hà, nghiêng cánh từ bên này Gia Lâm hướng về bên kia Giá Nứa lượn một vòng trên Hà Nội. Trên máy bay ngó xuống dưới biển sao tháng bảy hằng hà lấp lánh chưa từng bao giờ tôi được thấy lửa của Hà Nội lại dày đặc, trập trùng, muôn vàn như vậy.

Mỗi ánh đèn của Hà Nội đêm đó là một điểm lân tinh. Muôn vàn lân tinh của Hà Nội đã hóa thân thành biển. Có điều là, cùng với cháy sáng đồng loạt của lửa mà từ trên cái đường kính của một nghiêng cánh vịnh biệt, tôi đã đồng thời nhìn thấy trong cái cõi ba mươi sáu phố phường lấp lánh động ảnh phía dưới, từng ánh lân tinh của Hà Nội tàn dần. Đêm lên đường, cái hệ thống đèn lửa lổ đổ của Hà Nội đang dần dần khép mắt. Từng ngọn một. Từ Yên Phụ tới Kim Liên. Từ Quan Chưởng tới cầu Rền. Từ Mã Mây tới Bấy Mẩu. Bay lên khỏi địa hình Hà Nội, mỗi đốm lửa Hà Nội, trong tâm tưởng đã rời dứt vịnh viễn với thủ đô cũ ở nơi tôi, là một ánh tinh thể xuất thoát khỏi một tử thi đã làm chung, đã ngừng thở. Khi người nữ chiêu đãi viên bảo tôi là máy bay lên cao, đã bay vào một đường thẳng, đang hướng về những vì sao phương Nam, tôi nhắm mắt lại. Đầu óc tôi phút đó tối đen. Với tôi, đêm đó lửa Hà Nội đã tắt. Tắt tới cái điểm le lói cuối cùng của lửa.

Nguyễn Đình Toàn - Cửa chữ và người Lưu Na



Cuộc chiến, nó ảnh hưởng mọi số phận người Việt, dù biết hay không, chấp nhận hay không. Mình nghĩ thấy khói súng trên những trang viết của những quân nhân, những thất vọng bức bối oán hờn và phản đối của những người tuổi trẻ đứng bên lề vì không muốn tay vấy máu anh em. Mình nghe tiếng dội của đạn bom trên những trang tình yêu ngăn cách.

Hãy đọc một người trẻ viết về một thế hệ sắp sửa chìm dần vào bóng tối, vào quên lãng, vào những lớp bụi thời gian đang từ từ đọng lại. Lưu na khéo chọn một khuôn mặt điển hình của thế hệ ấy. Ít nhất, là ở phương diện chữ nghĩa.

Điều quý nhất ở Lưu Na trong cách nhìn của anh là sự trân trọng. Một quá khứ dù rã mục cũng đã có vai trò riêng của nó trong lịch sử. Phải vậy không Lưu Na ?

T.Vấn

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN – CỦA CHỮ, VÀ NGƯỜI.

Lưu Na

Chủ nhật, nhị ca đưa mình đến gặp Nguyễn đình Toàn. Gọi phone, lên xe, bấm chuông. Một ông già cao lớn mở cửa. Đây là anh chị Nguyễn đình Toàn. Em chào anh chị. Cô chú, anh chị gì mà anh chị. Sao cũng được mà chú. Ừ, thôi muốn gọi anh chị cũng không sao.

Cô Toàn cao như chồng, vóc gọn gàng, nét mặt mảnh mai và đẹp kiểu classic. Mình ngồi lâu ngẫm ra, đây chính là nét mặt Hồ trường An tá nữ sĩ Tuệ Mai của Phạm thiên Thư. Ông Toàn nói chuyện thoạt tiên thấy giản dị. Ông ra ngồi bên cửa sổ ngó xuống đường. Làn khói xanh tỏa nhẹ, duỗi chân. Anh chụp hình. Cũng không quay lại, như họ quen cái cách của nhau và hai người nói chuyện với nhau, thấy một sự tương đắc của tình bạn trẻ già.

Ăn cơm với nhau. Ông bà vui có bạn. Bà cười luôn luôn. Anh luôn nhắc nhở, kể cho mình nghe về nhạc sĩ Nguyễn đình Toàn của Sài gòn năm xưa, chương trình nhạc chủ đề, ý nghĩa những lời hát. Luôn cả chuyện đi đánh ghen mà lại bỏ về vì sợ chúng đánh của cô Toàn. Mình vẫn còn tức cười mỗi khi nghĩ đến chuyện đó.

Một mối duyên gặp gỡ. Khi ra về mình có trong tay 4 CDs có chữ ký của Nguyễn đình Toàn. Lên xe, tiếng cười dòn dã của cô Toàn còn vang bên tai, trách chồng ác miệng.

Mà mình nghĩ ông nhạc sĩ này ác thật. Lời nhạc của ông thường là những lưỡi dao đâm suốt tim mình. Khi mình lớn lên chưa bao giờ được nghe tên NĐT. Ra xứ người mới đọc hỗn độn bộn bề và biết một NĐT như người của trăm năm trước. Những gì ông nói và viết đều chỉ là một giấc mơ với mình vì tất cả đã không còn để mà biết. Giờ đây mình tưởng mới nghe nhạc NĐT, mà hóa ra đã nghe từ lúc nhỏ: *Em đến thăm anh đêm 30, Tình khúc thứ nhất.*

Khánh Ly cũng hát nhạc NĐT ra rả, nhưng lần đầu tiên mình chú ý, là bài Hây thấp cho anh một ngọn đèn do Nam Lộc hát. Lời lẽ thấm thía buồn, chua chát buồn, cay đắng buồn. Mà trên hết lại là một nỗi buồn cam phận lẻ loi, không gào thét oán than; chỉ khi đã hiểu sâu thì không thể không hỏi “vì ai gây dựng cho nên nỗi này?” Không chỉ riêng một bài này, lời nhạc của ông

thường cứ như dao lách vào lòng người nghe, vào những ngõ ngách của tâm hồn mà không phải ai cũng gọi được tên. Khen chữ của NĐT là khen phò mã tốt áo. Nhưng đọc lời nhạc NĐT thì mình nghĩ hay không vì chải chuốt mượt mà hay cầu kỳ văn hoa. Nó hay ở cái chỗ giản dị mà đúng một cách đốn đau, những con chữ của cuộc sống đời thường được tóm lại, đưa vào với một nốt nhạc kêu lên đúng cái âm vang khổ đau, ray rứt của tâm hồn. Không cầu kỳ, không phóng đại, chỉ đúng chỗ đúng mức đúng tâm tư.

Bài Mưa khuya lời lẽ đâu có gì khó khăn. Tiếng mưa khuya thì chỉ có đêm trở mình nghe được. Lời mưa thì thâm trong đêm, thì dĩ nhiên âm u. Cũng chỉ là nhấn gửi nhẹ nhàng, vì thất tình thì đúng là hay “nuôi tình đã chia lìa,” và vẫn tuyệt vọng nhớ một “cuộc tình đã quên.” Nghe cứ muốn khóc hoài vì nó khơi nỗi buồn sâu xa lấp kín. “[T]hì kiếp này, còn gì nữa đâu...” chữ “thì” ông có thể dùng chữ khác cầu kỳ hơn, nhưng ông nói chữ đó, chữ thông thường chúng ta hay nói. Bài Dạ khúc, “riêng tôi nhớ...người” là cái nhớ ray rứt đốn đau đằng đằng một mình, không bằng lời, chỉ bằng liên tưởng đến cái không: không có bầy như chim, không có phút nghỉ ngơi như trăng lặn, không bằng cả dòng nhạc phức tạp: chỉ một chữ nhớ trên 4 nốt chạy xuôi xuống, rớt lặng vào lòng. Bài Quê hương thu nhỏ lời lẽ là một bí mật với mình. “Người chờ người đi, đã như nhang tàn...” là chờ như chờ đến nhang tàn trên bàn thờ buổi giỗ, hay người đã chết âm thầm dấp dúi như nhang tàn, héo hắt lạnh lùng? Chữ “đã” nốt nhạc chỉ lên một chút cho dẫu ngã, không nhấn không dần, chỉ hiu hắt như nhang tàn. “[N]gười bỏ người thôi, khác chi nợ nần...” chữ “thôi”, nó bình thường như mình kể chuyện mất một cái nón hay cái gì đó. Vậy, rồi nghe thắm cái đau người bỏ nhau *nhẹ tênh* như *hắt cặn nước*, như *vắt điều thuốc* (chữ của Phan Nhật Nam). Lại có những nỗi đau nỗi buồn NĐT chỉ dám lướt qua: *trăm muôn lời than rồi khăn tang và tiếng thét*, *Với bao nhiêu đời dở dang* vì nhắc lại đau hơn, đó là cái ân cần thắm lặng với đời. “Đã trả xong, rũ sạch trơn,” âm điệu láy lên như tiếng người miền Nam trơn tru mộc mạc ngân nga. Ngay cả nốt nhạc NĐT cũng chọn sao cho giản dị gần gũi với tâm tình với cuộc sống đời thường.

Dĩ nhiên không có gì tuyệt đối, mà đẹp xấu hay dở cũng tùy người đối diện. NĐT đã nói, tác phẩm khi buông ra nó không còn là của mình. Mình cho là nhạc NĐT hay ở những bài chậm buồn kể lể tự tình. Nghe rập rình tango hay valse không dở, nhưng nó phai đi cái ray rứt khổ đau dù là khổ đau hạnh phúc. Như bài Hiền cúc vàng, tango mà Khánh Ly hát thì ăn tiền, nhưng trống đàn rậm rộ quá, trong khi lá thu rơi thì chỉ lửng tung nhẹ nhẹ. Mình không biết nhạc lại không biết sử dụng nhạc cụ, nói vớ vẫn có thể bị đánh cho, thôi, nhưng thật vẫn thấy sao sao. Cũng như nhạc và lời không phải lúc nào cũng có thể khớp, nhưng ông không chịu uốn lời, thành thử lúc hát có chỗ nghe lệch chữ, như dao thành giáo (bài Dạ khúc), hay xa rồi thành xa rồi (bài Quê hương thu nhỏ) ... nghe rồi phải ngẫm nghĩ, lớp trẻ chưa chắc hiểu đúng, mà mình cũng phải lục tìm lời hát cho chắc ăn. Vậy, hơi vất vả cho người nghe!!!

Nhạc giản dị, nhưng không dễ hát và lại kén giọng. Âm vực rất rộng, từ Sol (G) dưới Do trung (C) lên đến Mi (E), khó chuyển giọng, và thích hợp với giọng nam nhiều hơn giọng nữ. Nữ ca sĩ có lẽ Khánh Ly Lệ Thu mới hát được, xuống được những nốt rất thấp, (Khánh Ly hát xuống nốt Do (C), anh Hùng cũng không xuống tới) và không láy lộn chỗ làm hư đi ý nhạc như Ý Lan (bài Dạ khúc: buồn không son xòa...óa môi cười). Thêm nữa, ông thả nhiều nốt bất ngờ, không như lẽ thường theo đúng hợp âm. Thường nghe nhạc, ai nghe một câu cũng có thể lái theo câu kế, nhưng rồi NĐT lại thả vào một nốt khác cái khung dự đoán. Vì vậy nghe lạ và thành mới!

Với mình, đặc sắc chính ở chỗ giản dị, giản dị từ nhạc đến lời, không ở chỗ cầu kỳ chải chuốt; đặc sắc ở chỗ chọn đúng chữ đúng lời, chọn đúng nốt nhạc để láy. Nhạc NĐT toàn như tấm áo cắt khéo, mũi chỉ đường kim sắc sảo trên nền vải lụa đúng hàng đúng màu sắc đúng chiều số vải. Tấm áo sang chính vì cái giản dị có cân nhắc có nghệ thuật. Chiếc áo sang làm đẹp vóc người mặc mát mắt người nhìn. Bài nhạc sang làm rõ bản lĩnh người hát và đẹp tâm hồn người nghe. Nhưng đồng cảm, phải có cả một tâm hồn, không biết có bao nhiêu người thấm thía với NĐT?

Câu hỏi chỉ là một thắc mắc trong lòng, mình chỉ là một người đọc muộn màng.



Nguyễn Đình Toàn , Trần Quang Lộc, Nguyễn Đức Quang

Mình trở lại căn nhà đó thêm nhiều lần nữa vì một lời gửi gắm, nhưng chỉ hơn tháng sau thì giao ước không lời kia thành vô nghĩa. Giờ chỉ còn một tiếng gọi thầm.

Mỗi 4 giờ chiều mình đến căn gác ấy, ngồi uống cùng ông một chung rượu. Ông không uống, chỉ hút pipe. Mình thì chỉ uống rượu đồ, từng nửa chung một, loại chung sứ hoa văn xanh dương dùng để uống trà. Mỗi 4 giờ chiều mình đến, từng chiều lại từng chiều, chỉ để bị ám khói thuốc pipe và cùng ông cười vang trong căn gác hẹp. Ông ngồi một chỗ cố cựa sát bên cửa kính , co một chân lên thả làn khói xanh trong cái nắng cam hồng của ngày sắp tắt. Ông nhìn ra cửa kính ngắm mây chiều đổi sắc và cành chuối lá xanh trong đi trước ánh mặt trời. Mình ngồi bên ông nghe chuyện Sài Gòn năm xưa, nghe ra một con người đằng sau những gì mọi người đã nhắc.

Mới biết ra, ông là nhà văn trước khi là nhạc sỹ, mới biết ra trước 1975 ông đã có 20 tác phẩm xuất bản, và đã đoạt giải văn học 1973. Không phải mình không nghe gọi *nhà văn* Nguyễn đình Toàn, nhưng nói về nhà văn NĐT mà hầu hết là ca tụng những lời ông viết dẫn trong chương trình nhạc chủ đề, những chữ ông viết cho người cho việc v.v... mình cứ tưởng ông viết chơi viết côm viết truyện ngắn viết láo mà chơi. Nhưng 20 tác phẩm? Ông đã viết những gì viết ra sao? Câu hỏi thầm của buổi ban đầu dội lại trong óc. Mình hỏi, ông gật. *Viết văn, làm báo Văn, giải văn học toàn quốc Áo mơ phai..., mà người ta lại chỉ nhắc cái thứ mình làm chơi.* Cười. Giờ đây, ông còn được trên tay 3 cuốn truyện dài, một in lại bên Úc, một do Tự Lực in lại, và một, là của độc giả năm xưa lưu giữ tặng lại. Xót lòng. Áo mơ phai, áo mơ phai...

Mình nằm đọc Tro than, Áo mơ phai, và Đồng cỏ. Đọc mà cứ phải thường xuyên dừng và đọc ngược trở lại. Đọc, lâu lâu lại phải ngừng để lấy hơi rồi mới đọc tiếp được. Chữ của ông khó hiểu quá chăng? Truyện ông viết nặng nề quá chăng?

Mình nghĩ mình đã lội ngược dòng vì đã bắt đầu đọc chữ của ông qua ca từ. Tựa như những vần thơ của Mai Thảo lúc cuối đời, những hàng chữ đó là những lời chất lọc làm nhạc của ông khác hơn của người. Cộng với những dòng đã viết cho nhạc chủ đề, Bông hồng tạ ơn... mình đã đọc cái phần tinh túy trong chữ nghĩa, hưởng cái tinh tế trong cảm nhận, và thấy những ký họa bằng chữ từ nhận xét sắc sảo của ông. Rồi khi đọc truyện dài, những chữ những lời đó như lạc mắt vào sa mạc mênh mông của biển chữ, vào cái suy tư bất tận trong lòng ông, vào một thế giới quen tự muôn đời mà lạ qua tâm hồn ông. Mình expect những dòng chải chuốt, những câu chuyện sâu sắc, những câu văn tinh tế gọn gàng, mà vấp phải những câu dài hơn 2 trang không dấu chấm (Áo mơ phai), vấp phải cái ray rứt dẫn vật độc thoại của một tâm hồn sometimes còn trẻ không tìm được tên gọi cho những nỗi niềm (Đồng cỏ), vấp phải những chi tiết như vô lý, những tỉ mỉ như không cần thiết mà không biết ngắt bỏ chỗ nào phần nào. Chơi với và thất vọng. Có những lúc mình tự hỏi Áo mơ phai được giải thưởng vì lý do gì?

Sau này khi đã lui tới đọc xong cả 3 quyển truyện, cũng như lướt qua một vài truyện khác, ngắm nghĩ lại những điều đã đọc, mình e đã đòi hỏi một điều quá sức mình.

Suốt cả ba cuốn truyện, mình cứ cảm thấy như đang bị một dòng băng hà chậm rãi từ từ cuốn mình vào dòng, nhào trộn mình với những gì nó đã cuốn theo trên đường đi qua, và, những thứ ấy như vẫn còn tươi roi rói từ bấy đến nay. Những điều ông viết không phải là cao siêu hay kỳ bí hay rắc rối, không phải là mới, chỉ là rất riêng biệt một Nguyễn Đình Toàn. Những khi dừng lại, mình vẫn thường phải nhẩm vài lần một câu đã đọc cho thực hiểu những điều ông muốn nói, như phải nhai cho nhuyễn một miếng và mới mong thấy cái ngọt của gạo cái thơm của cơm.

Từng lúc, mình thấy rất nhiều những câu viết hiện ra theo con chữ của NĐT tùy theo cái điều ông đang nói đang tả đang ngắm nghĩ, tùy theo cái ngắt mạch văn.

Nhấn nha thông thả, như ngày của Lan và Quang (Áo mơ phai) dài hơn 24 tiếng, những khi ông tả cô Phụng (Đồng cỏ) đi từ con đường này đến điểm hẹn kia, qua bao hàng cây thấy bao nhiêu mây buồn bao nhiêu lần, hay cảnh cô Hóa (Tro than) xuống xe đi từ ngoài ngõ vào nhà đường xóm gặp ghềnh bao nhiêu lòng cô rối bởi bấy nhiêu, thì mình nghĩ đến cái cách Nhất Linh tả Mỗi tình “chân” của Bé và Đồi trong Xóm cầu Mới. Giống Nhất Linh thì vẫn trong sáng lắm chứ? Nhưng không, mà cũng không thể nói là văn luộm thuộm hay lời bí hiểm. Đâu có chữ nào mình không biết, đâu có đảo câu viết ngược viết ngang gì. Đồng cỏ, ông dùng chữ “không ngay ngắn” để nói Thảo và Phụng với cá tính và tâm hồn hơi rắc rối, hơi phức tạp, hơi suy tư khắc khoải, hơi xa rời thực tế cái thực tế thô nhám của cuộc sống. Mình nhớ ông từng nói, *chỉ có một chữ đúng và nhiều chữ gần đúng cho một sự việc*, cũng như không biết bao nhiêu lần ông nhấn mạnh cái chính xác trong ca từ. Ông luôn rên rỉ, *phần lớn (họ) cứ hát sai lời, có khi còn bịa thêm lời*, chứ hiếm khi nghe ông than hát sai note nhạc. Mình nghĩ đến những chữ *lệch lạc, bất bình thường, không mẫu mực, không đúng khổ...*, những chữ đó nghe dễ hơn nhưng hoặc không chính xác, hoặc đã bị dùng cho một nghĩa khác. Và mình bất lực không tìm được chữ nào khá hơn chữ “ngay ngắn.” mình cho rằng không phải lúc nào ông cũng có thể trong sáng chính xác, nhưng ông đã buộc phải nghĩ đến cách dùng chữ và nghĩ đến cái điều ông muốn nói, cũng như tính cách không thỏa hiệp của ông khi viết ca khúc.



Nguyễn Đình Toàn và bạn hữu
(Người đeo kính đen là bà Nguyễn Đình Toàn)

Đọc những dẫn vật những ray rứt nội tâm triền miên của ông, mình thấy một Mai Thảo với dạt dào những xúc cảm của lòng. Khác chút xíu là, đọc NĐT thấy giạt mình, ngắm nghĩ rồi thẩn thờ.

Nói ông là nhà văn của thiên nhiên thì cũng đúng nhưng không phải. Thiên nhiên có làn mây cụm mây chùm mây dải mây, đủ màu muôn sắc; nhưng mây của NĐT là những giải khăn xám bay la đà trong không gian, như sẵn sàng rút xuống ngang mặt lau cho ai giọt nước mắt rơi

thầm. Cái thiên nhiên không thiếu, mà nó là tất cả, ở mọi chỗ mọi nơi trong mọi (?) truyện của Nguyễn đình Toàn. Ông tả thật tỉ mỉ thật chi tiết mọi thứ quanh ông, như những nhà làm phim loại Thiên nhiên kỳ diệu kiên nhẫn với mọi sự sống mọi loài sinh vật cỏ cây. Ông làm mình nghĩ đến Võ Phiến. Nhưng Võ Phiến quan sát mọi sự quanh mình, tỉ mỉ chăm chú nhìn ngắm mọi người quanh mình, còn Nguyễn đình Toàn thì thật ra chỉ ngó một thứ tỉ mỉ một điều: lòng của ông. Như vậy, dường như đọc Võ Phiến thì mình theo người viết ngó ra chung quanh và đọc Nguyễn đình Toàn thì mình ngó vào lòng người viết!

Những lúc ông thiết tha nói, nói không nghỉ không dừng, thường là những lúc ông tả một khung cảnh một cái gì đó đang xảy ra trong đất trời và thường là những cái nhỏ bé nhất tầm thường nhất mình không bao giờ để ý. Những lúc ấy mình nghĩ đến Du tử Lê, với 2 chữ một dấu phẩy một gạch chéo hay một dấu gì đó ngắt rời mọi thứ bẻ vụn mọi thứ và dù vậy mọi thứ vẫn bị trộn vào nhau khi đọc lên (*Ca khúc, của Lê*). Không, Nguyễn đình Toàn nhất quyết không trộn một cái rung của mầm cỏ với gió lay dù câu của ông dài lê thê đến đâu. Và khi nói đến cái bao la vô tận của đất trời, cũng là nói đến cái hữu hạn của thân phận trước cuộc trăm năm, những lúc đó ông làm mình nghĩ đến Tô thủy Yên, với những câu hỏi trực tiếp vào vô tận *sống ở trên đời ghé góm quá, vậy mà ta sống có kỳ không?*

Như vậy, Nguyễn đình Toàn có một văn phong riêng biệt không?

Ông nói, đọc Mai Thảo thì đừng đọc truyện đọc văn mà hãy đọc cách MT viết những truyện ấy. Đồng ý, nhưng e là điều đó còn đúng hơn nữa với chính Nguyễn đình Toàn. Vì đọc 5, 10 hàng dù chưa biết nói gì vẫn có thể đoán là Mai Thảo với chữ dùng thường đối âm vần điệu và ngắt câu làm dáng vẻ bất cần. Đọc nửa trang, biết ngay Võ Phiến với những nhận xét lạ đi kèm với phân tích sắc sảo giọng dí dỏm, thật thích thú. Trần mộng Tú: giọng nhẹ nhàng êm ái trong sáng, tình muôn thuở và tình luôn mới... Nhã ca, Túy Hồng: giọng bốp chát sắc cạnh ngang ngược và dồn dập, Trần Vũ, Nam Dao: giọng táo bạo ráo hoảnh, những chuyện mãnh liệt tàn bạo bất ngờ...

Văn phong của Nguyễn đình Toàn thì chỉ một giọng đều đều hờ hững, khó tìm được những lời cuồng nộ những câu xúc cảm, hay những cảnh dồn dập sôi động. Với nhạc, mình dễ dàng tìm thấy signature của Nguyễn đình Toàn sau khi nghe 5, 7 bài hát. Cái signature đó nằm ở note Mi (E) và câu chữ *thư em nói với anh, cây xanh nói với anh* (Em còn yêu anh)... Những âm vang khổ đau từng lúc nghe ra từng câu thấm thía, với tới lòng mình, lòng của bao người. Vào biển chữ, văn của ông thiếu một âm vang và mình bị lạc. Chữ thì thật chính xác mà lời thì chìm lìm, lạ, và thật vất vả cho mình.

Ông viết cái kiểu Tạ Ty nói *mưa lâu thấm đất*, với cái bố cục không có bố cục, nói cái chuyện không có chuyện gì cả. Và mình thì cứ phải đọc miết coi ông muốn nói cái gì để kết luận là ông không nói gì. Hay là nhân vật của ông đặc biệt. Mình e là mình cũng thất vọng với những cô gái ấy. Nguyễn đình Toàn nói ông thích phụ nữ nên nhân vật của ông toàn là phái đẹp. Thích phụ nữ, đâu chỉ mình ông. Chỉ là, phụ nữ trong truyện ông chán lắm. Chả thấy nhan sắc quần áo vóc dáng gì mấy, nhiều nhất chỉ là "mắt đẹp," nhưng sáng quá nên mắt nữ tính!! Ông có cho họ nữ tính đâu mà còn với mắt. Mà các cô đó, từ học sinh trung học, đến độ 20 nghề nghiệp học thức vững vàng, hay góa chồng dang dở (Giờ ra chơi, Đòng cỏ, Ngày tháng), ông đều gắn lên tay họ điều thuốc, không phải cái lược hay thổi son. Mình nhớ, những năm 70 thì đó cũng hơi loạn. Hoặc họ rất lạ lùng khô lạnh.

Như Hóa của Tro than: nghèo khó và ráng hết sức mình để đi qua mọi khó khăn đến quên tuổi trẻ, mà đời vẫn như đã cháy rụi âm thầm trong ánh đèn leo lét của bàn thuốc phiện. Hóa quên khóc thương thân và trao đi cuộc đời trước khi biết mình đã trao. *Lần đầu ta ghé môi hôn*, vậy, mà người ta hôn mình rồi mình lại chỉ thấy dư vị chua cay?

Tuấn thì kéo 2 vai của Hóa sát lại mình và hôn lên môi Hóa... trong khi Hóa không có phản ứng, cảm xúc gì ráo. Hm, sao Tuấn không úp 2 bàn tay kéo mặt Hóa sát vào, sao Hóa không chới với hay hưởng ứng? Về như Tuấn đang uống trà thưởng hoa, và Hóa đang nhìn cái tôi một cách lơ đãng. Đãi các hơn, cô Lan cũng ăn diện đôi chút (!), nhưng cô đi đông dài ngày

tháng với Quang rồi phút đất trời phân cách cô vẫn còn phải hỏi lòng mình có yêu người và người có yêu mình. Táo bạo hơn (nhân vật của Nguyễn đình Toàn thì Sài gòn dương nên táo bạo, Hà nội âm nên nhu mì !!!) cô Phụng tính sẵn một cuộc trao thân làm kỷ niệm mà cái kỷ niệm ấy chỉ dường như ngấm trăng bên cửa. Chán. Và cũng không cần bố cục.

Rồi ông còn cho họ, những cô gái tuổi đôi mươi, nghĩ những gì là bộ Sĩ trên bộ Y làm thành chữ Biểu, một ý tưởng một biểu tượng kiến trúc để nói lên chiều sâu văn hóa của một đất nước (Thảo của Đồng cỏ), hay cho họ nhu cầu “kiếm ra một nơi có đủ yên tĩnh, có đủ thời giờ, sắp xếp lại đầu óc, hầu có thể phân biệt được tội ác, lòng nhân ái, sự cuồng tín, và hy vọng...” (Đồng cỏ, trang 2). Các cô, nhân vật của Nguyễn đình Toàn, thường lơ trớn và hụt hẫng khi đi tìm tình yêu, luôn có vẻ ưu tư và suy nghĩ như một người đàn ông trung niên (cỡ tuổi của ông đấy). Rõ ràng, nhân vật phái nữ chỉ là một biểu tượng, cần thiết, cho cái tế nhị tỉ mỉ tinh tế mà ông muốn phơi bày. Ai muốn yêu họ và họ có biết yêu?

Nguyễn đình Toàn có biết yêu. Mình nghĩ Nguyễn đình Toàn yêu cuộc đời tha thiết đến nỗi không thể yêu một ai riêng biệt. Từ trong giọng đều đều hờ hững ấy, trong những nhân vật thật chán ấy, mình thấy một tâm hồn nhạy cảm, lãng mạn và tinh tế. Không yêu không thể nào ghi nhận cái thay đổi của sắc trời, người được mọi thứ hương thơm, hay hiểu được vì sao người ta khóc vô cớ sau khi đã thắt chặt lòng đi qua cái khốn khó đau thương; và ngàn lẻ một điều xoay chuyển của thiên nhiên của đất trời của lòng người mà ta có thể nhận ra nhưng quên ngay tức khắc. Cái chậm rãi tỉ mỉ của Nguyễn đình Toàn tựa như người ăn dè, ăn từ từ, ăn cẩn thận vì quý phẩm vật sự sống và quý chính mình, một thân phận con người. Tinh tế, từ cái giọng đều đều hờ hững ấy thấy mọi niềm đau của tha nhân. Tôi đi tôi đứng tôi gặp tôi nói tôi nghĩ tôi thấy tôi cảm..., cả trong những lúc tôi đang bên một người, nỗi lẻ loi cô quạnh luôn đậm nét. Khi lời văn ấy dội ra nỗi lẻ loi cô quạnh mình cảm nghĩ chính là Nguyễn đình Toàn thốt lời chia xẻ, rằng ông biết và thấu. Ông tỉ mỉ cách thật nhức nhối, nhưng yêu một tình yêu bao la hơn là cụ thể nên xác thịt không là gì cả, không có chỗ đứng trong truyện của ông. Tôi nghe tôi thấy tôi nghĩ (được cả mùi tanh từ soong nồi nhôm) mọi điều của cuộc sống, chứ tôi không nhìn một phân da thịt hay thềm một chút mặn nồng. Tôi không là tôi khi chưa thờ hết không khí quê hương khi chưa nghe trọn cái âm giai của đất trời khi chưa mù lòa vì ánh mai rạng rỡ, chưa chết đuối trong mưa khuya, và như vậy biết khi nào tìm mới ấm một mối tình. Lãng mạn và dường như đi tìm cái đồng cảm tuyệt đối, nhân vật của Nguyễn đình Toàn không thể tìm được tình yêu. “...sống là sống với một người...” (Ngày tháng). Còn điều nào rõ hơn không cái niềm yêu tha thiết đó? Và mình nghĩ đến ông như một câu trong bài Anh yêu em, *con giun con nằm uốn khúc giữa đêm trường rồi giun chết chết tương tư vì sao sáng...* Nguyễn đình Toàn có lẽ muốn đời cũng chỉ tìm thấy dở dang, *nhìn nhau ra người cũng một đời thôi* (Nụ vàng) mãi là ước vọng.

Nhưng cái điều làm mình ngộp thở là suy tư nội tâm của Nguyễn đình Toàn về cuộc đời về quê hương, xã hội ông đang sống.

Cuộc chiến, nó ảnh hưởng mọi số phận người Việt, dù biết hay không, chấp nhận hay không. Mình nghĩ thấy khói súng trên những trang viết của những quân nhân, những thất vọng bực bội oán hờn và phản đối của những người tuổi trẻ đứng bên lề vì không muốn tay vấy máu anh em. Mình nghe tiếng dội của đạn bom trên những trang tình yêu ngăn cách. Riêng tiếng nói của Nguyễn đình Toàn là tiếng nói của một tầng lớp trí thức trên khía cạnh văn hóa, một nỗi trần trụi thấy quê hương, thấy văn hóa của mình lỗ chỗ gập ghềnh. Ở truyện dài của ông không thiếu hệ quả của chiến tranh, nhưng nó như cái bóng xa mờ, có đó mà luôn nép vào một góc, để cho cái nội tâm suy nghĩ của nhân vật ngự trị xuyên suốt.

Đọc ông, những suy nghĩ luôn dội lại, về sau, trong óc mình, và mình buồn rầu nhận ra là mình không có khả năng để hiểu hết tâm hồn ấy, hiểu hết những dòng chữ ấy. Những 4 giờ chiều ngồi bên ông cho mình biết, rằng cái khoảng cách tuổi đời chỉ là một chuyện nhỏ. Dĩ nhiên,

mình chỉ mới đi 2 phần 3 quãng đường ông đã đi qua, và đường mình đi thì êm ả hơn nhiều. Nhưng ở chỗ này, khi mình có lịch sử mở sẵn, có hơn Nguyễn đình Toàn 1973 mười tuổi đời, mà những gì ông viết đều như quá sức suy nghĩ và hiểu biết của mình, mình tự hỏi phải chăng mình lầy lòng giếng cạn để tìm hiểu một vực sâu. Làm sao giải thích được, khi bên cạnh những nụ cười nhảm trong Đồng cỏ là nhân vật buồn rầu, suy nghĩ buồn rầu trước một tương lai không có gì đe dọa mà vẫn buồn rầu. Bốn giờ chiều, ông đâu có buồn rầu dữ vậy. Dẫu lặng lẽ chứ không cười vang cười hô hố, ông luôn là cái kho của những chuyện mà Quỳnh Giao gọi là đáo đẽ. Những năm tháng đó là những năm tháng tươi đẹp tràn cơ hội mà ông đã sống thật trọn vẹn, điều gì khiến xui ông viết những dòng suy tư bất tận, chán chường? Định mệnh nào khiến xui ông chọn văn nghiệp khi ông có dư thừa cơ hội để phát triển năng khiếu âm nhạc? Thật đáng sợ, Nguyễn đình Toàn đã viết những lời tiên tri không thể xóa bỏ.

Mình đọc lại Áo mơ phai. Nhân vật chỉ là phụ, Hà nội, cái thành phố của kỷ niệm đó mới là chính, là hoài niệm mà Nguyễn đình Toàn viết cho chính ông. Ở trong cái thành phố đó mọi thân phận chỉ là chiếc lá trần trở đổi màu theo thời tiết và mọi con đường đều trở thành mơ hoặc vì sương. Hoài niệm, 1973, một người Hà nội 54 tuổi nhớ một Hà nội kháng chiến 45 và thu vào hồn mình cái Hà nội đang mất. Hoài niệm, 1973, người ấy thấy Hà nội trong chiếc áo sương trong và chiếc nón thời tiết. Giải thưởng Văn học có đặt trên chiếc áo sương trong đó không mình không biết, nhưng Nguyễn đình Toàn đã thêm cho nghìn năm Thăng Long một dáng vẻ. Và đồng thời, khi nghĩ đến, vẽ ra cái Hà nội đã mất 1954, Nguyễn đình Toàn cũng đã vẽ ra cái Sài gòn sẽ mất 1975. Số phận của dân tộc đã được thốt ra bằng sự nhạy cảm của những người đàn bà, trong mối tình tay ba của bố mẹ Lan, mối tình sẽ phân cách của Lan và Quang, những cái tay ba sẽ thành sau ngày phân cách ấy... Cái cuồng giận của những người vợ cải tạo 1975, oán hờn phân ly của chuyện vượt biên... xác nhận cái linh cảm của Áo mơ phai. Đau đớn. Mình nghĩ cũng nên trao giải cho ban tuyển chọn vì cái tiên tri đau đớn ấy. Nhưng Đồng cỏ mới làm mình hiểu ông hơn, một Nguyễn đình Toàn của 4 giờ chiều. Phụng là tâm hồn là cuộc sống, Thảo là suy tư ước vọng, và Nhiên là cái thực tế cuộc đời mà từng lớp trí thức hoặc phải chấp nhận để sống cho qua hoặc nhìn lẽ sống dần xa. Những nụ cười nhảm mà ông đã phân trần, mình thấy ra ông, dùng cái cười để phơi pha vụn niềm đau. Bốn giờ chiều, những lúc ngồi bên khói thuốc xanh nghe ông nói đôi điều chữ nghĩa mới chợt thấy ra cái tinh thần kẻ sĩ của ông sau cái lãng mạn nghệ sĩ, cái lòng yêu quê hương, tha thiết với văn hóa, chợt hiểu vì sao ông có tình tri kỷ cùng anh dẫu chênh lệch tuổi tác, cách đôi bờ xứ sở. Những lúc đó mình thấy ngậm ngùi, muốn hỏi ông rằng ông và anh và mình và những ai đã rời xa đất nước, có phải cái sống có ý nghĩa nhất là của những người đã chết cho quê hương. Máu của họ đã thấm mảnh đất quê, tưới thấm hồn dân tộc. Chúng ta đứng nơi đây chỉ là những con ốc mượn hồn.

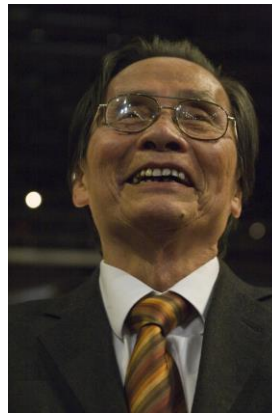
Đồng cỏ, ông nói khơi khơi, về những ngày cuối của một xướng ngôn viên trước khi rời xa xứ sở. Mình nghĩ đến ông, đến Hồng Ngọc, đến cái thảm thiết mà ông đã dự cảm khi cô Phụng kêu thảm thiết oan khiên phải bước chân đi. Dẫu đó là chọn lựa của cô, nhưng cô thấy bé tắc như thế hệ NĐT thấy bé tắc, phải chọn một lối thoát mà không chắc thoát. Đồng cỏ 1973, Nguyễn đình Toàn đã viết những lời chung cuộc cho chính bản thân 40 năm sau, khi ông phải lìa nơi đã sinh ra đã yêu mến và hằng muốn chôn thân. Đồng cỏ 1973, nén nhang giải oan cho những người ngã xuống, hòa giải cho những người còn lại đã được nêu ra và chìm vào biển loạn. Trong cái bàng hoàng khi đọc những hàng chữ đó, mình nhớ đến giọt nước mắt không gọi được tên khi ngồi trong ghe vượt biên biết có tàu tới vớt. Nghĩa là sống rồi, nghĩa là cuộc đời mới bắt đầu. Trên cao mây xám dưới chân biển đen sâu chung quanh bốn bề sương giăng mờ mịt, giọt nước mắt vô cơ héo một góc hồn của mình cũng đã được viết xong 1973 trong tiếng kêu oan khiên thảm thiết của cô Phụng: từ đây mất một quê hương. Đồng cỏ 1973, ý nghĩa của công việc xướng ngôn viên ban Việt ngữ của những đài quốc tế đã được viết xong:

“Mai đây tới cái chốn xa xôi đó, công việc của tôi không thay đổi, nhưng có phải mỗi tiếng nói của tôi sẽ mang một ý nghĩa khác? Những bản tin chắc chắn không hoàn toàn chỉ còn là những bản tin nữa mà nó còn có thể là những lời kêu gọi quê hương, gửi vọng từ chân trời về. (Đồng cỏ, trang 17)

Và chợt dừng mình nghĩ, anh chắc không biết đến những giòng chữ đó dù đã đến cùng ông thành bạn tri kỷ; chợt dừng mình nghĩ, anh và ông đã tìm đến nhau trong linh cảm của loài thú hoang tìm thấy nhau trên đỉnh cao bên bờ vực sâu, cùng cất tiếng đau thương cho nó dội vào vách núi.

Đồng cỏ, mình chưa đọc hết những gì ông đã viết, nhưng riêng với cuốn sách này mình cảm như đã thấy tâm tư của Nguyễn đình Toàn, đọc thêm chỉ là mua vui. Nhưng có lẽ phải thêm một trăm năm 4 giờ chiều nữa thì may ra mình hiểu và viết được hết mọi điều về Nguyễn đình Toàn, của chữ và người.

Nhạc Nguyễn Đình Toàn, tiếng kêu bi thương của thời đại T.Vấn



Nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn
(Ảnh : Lưu Na)

Để giới thiệu một người đã thành danh như Nguyễn Đình Toàn, quả là một việc làm thừa thãi. Và khó. Dù vậy, cảm giác mình mang món nợ gần hết một đời người với ông, cứ làm tôi vào suy, ra nghĩ, lẩn tránh không yên. Cho đến khi nhận được mấy CD nhạc ông gửi “ nghe chơi “ qua người bạn trẻ Lưu Na, và lời “ tiết lộ “ rằng ông phải mày mò tìm chỗ này một bài, chỗ kia một bài mới tạm gom lại được những đũa con âm nhạc của mình, tôi chợt nghĩ ra cách để . . . trả ơn ông, món nợ càng mang càng nặng, vì lãi đẻ ra lời, lời đẻ ra lãi.

Gần 50 năm , kể từ ngày tôi đọc những dòng chữ đầu tiên của tiểu thuyết “ Con Đường “ (Sài Gòn 1972- Giao Điểm xuất bản) , làm quen với thế giới văn chương Nguyễn Đình Toàn, và từ đó, không nở bung ra, không thể bung ra, tôi đã nghiện cái không khí ẩm ướt của những trang chuyện , với những nhân vật không thật mà như có thật, không tên mà như có tên, mỗi người đều mang nỗi buồn riêng, như nỗi buồn của chính tôi. Từ ngày ấy, tôi biết thế nào là văn chương, qua chữ nghĩa Nguyễn Đình Toàn. Trên trang viết TV&BH, tôi đã hơn một lần nhận ông là người thầy chưa một lần gặp, dù quanh tôi, luôn phảng phất bóng dáng ông.

50 năm sau, nhà văn nhà thơ Nguyễn Đình Toàn đã khẳng định mình ở bộ môn âm nhạc. Dù ông chưa bao giờ tự nhận, nhưng danh xưng nhạc sĩ để trước cái tên NĐT bây giờ đã là điều mặc nhiên. Vì ông xứng đáng với danh xưng ấy hơn rất nhiều những người tự/được gọi là nhạc sĩ. Với tôi, nếu trước đây nhà văn NĐT đã chinh phục tôi như thế nào, thì giờ này, nhạc sĩ NĐT cũng chinh phục tôi như thế ấy. Ông chứng minh cho tôi thấy rằng một bài hát, bằng vào sự phối hợp tuyệt diệu giữa nốt nhạc và lời nhạc, tạo nên một ấn tượng sâu sắc nơi người nghe hơn hẳn một bài thơ hay, chuyên chở nhiều ý nghĩa hơn một bài văn hay, và ở lại trong lòng người nghe lâu hơn bất cứ loại hình nghệ thuật nào. Ít nhất, với tôi, nhạc của Nguyễn Đình Toàn đã làm được công việc ấy, một cách xuất sắc.

Nghe nhạc của Nguyễn Đình Toàn, là bước vào một thế giới nội tâm đau xót, không phải chỉ của tác giả, không phải chỉ của người hát, mà còn của chính mình, người nghe. Sau cơn đau xót, là nỗi bi phần. Trong nhạc của NĐT, tôi nhìn thấy sự tang thương của đất nước tôi, bao năm trôi qua kể từ ngày chiến tranh chấm dứt vẫn còn chia rẽ, hận thù, đối trá, lừa lọc. Dấu vết thời đại hẳn rõ nét trong nhạc của ông, nên người ta nghe nhạc NĐT không phải để giải trí, mà là để tự đắm mình trong những dằn vặt không bao giờ nguôi ngoai. Mà hình như nhà văn nhà thơ Nguyễn Đình Toàn viết nhạc không phải như một cuộc phiêu lưu vào những bộ môn nghệ thuật khác để chứng tỏ với người/với mình về một khả năng đa dạng. Theo tôi, ông chọn âm nhạc như phương tiện hữu hiệu nhất để phát biểu tiếng nói chân thực của trái tim con người trước những biến đổi tàn nhẫn của lịch sử. Và ông đã thành công. Cuối đời, với vai trò người viết nhạc, Nguyễn Đình Toàn đã khắc họa được những tiếng kêu bi thương nhất của con người thời đại. Bi thương ở cả nghĩa đen của âm thanh (nốt nhạc) và nghĩa bóng của ngôn ngữ (lời nhạc).

Người bạn trẻ Lưu Na của trang TV&BH đã nhận xét khá thú vị về nhạc Nguyễn Đình Toàn: *"lời nhạc của ông thường cứ như dao lách vào lòng người nghe, vào những ngõ ngách của tâm hồn mà không phải ai cũng gọi được tên. Khen chữ của NĐT là khen phò mã tốt áo. Nhưng đọc lời nhạc NĐT thì mình nghĩ hay không vì chải chuốt mượt mà hay cầu kỳ văn hoa. Nó hay ở cái chỗ giản dị mà đúng một cách đốn đau, những con chữ của cuộc sống đời thường được tóm lại, đưa vào với một nốt nhạc kêu lên đúng cái âm vang khổ đau, ray rứt của tâm hồn. Không cầu kỳ, không phóng đại, chỉ đúng chỗ đúng mức đúng tâm tư. . . Nhạc giản dị, nhưng không dễ hát và lại kén giọng. Range rất rộng, từ Sol (G) dưới Do trung (C) lên đến Mi (E), khó chuyển giọng, và thích hợp với giọng nam nhiều hơn giọng nữ. . . Thêm nữa là ông thả nhiều nốt bất ngờ, không như lẽ thường theo đúng hợp âm. Thường nghe nhạc, ai nghe một câu cũng có thể lái theo câu kể, nhưng rồi NĐT lại thả vào một nốt khác cái khung dự đoán. Vì vậy nghe lạ và thành mới!* Với mình, đặc sắc chính ở chỗ giản dị, giản dị từ nhạc đến lời, không ở chỗ cầu kỳ chải chuốt; đặc sắc ở chỗ chọn đúng chữ đúng lời, chọn đúng nốt nhạc để lái. Nhạc NĐT toàn như tấm áo cắt khéo, mũi chỉ đường kim sắc sảo trên nền vải lụa đúng hàng đúng màu sắc đúng chiều số vải. Tấm áo sang chính vì cái giản dị có cân nhắc có nghệ thuật. Chiếc áo sang làm đẹp vóc người mặc mát mắt người nhìn. Bài nhạc sang làm rõ bản lĩnh người hát và đẹp tâm hồn người nghe. Nhưng đồng cảm, phải có cả một tâm hồn, không biết có bao nhiêu người thấm thía với NĐT? . . . (Lưu Na – Cửa Chữ Và Người).

Trong nỗ lực nhận diện Nguyễn Đình Toàn với tư cách một nhạc sĩ, tôi thấm thía vô cùng cảm tưởng của một người trẻ thuộc thế hệ một rưỡi khi nghe nhạc NĐT: *" . . . khi tiếng nói của mỗi con người bị tắt nghẹn, chúng ta có âm thanh nào để nói lên nỗi khổ đau? Đứng dưới đáy vực sâu con thú còn có tiếng kêu bi thương, sao chúng ta phải đành nghẹn ngào nhìn đời sống tàn lụi, giọt nước mắt cho mình cho người phải đành chảy ngược vào hồn? Chính trong nỗi đau quê hương con người bị tàn phá mà dòng nhạc NĐT mang lại cho mình một điểm tựa, một niềm tin.*

Dòng nhạc ấy giữ lại cho mình một tình yêu đơn sơ, một niềm yêu lãng mạn dẫu đất đen đường đã len vào hồn ta, dẫu đời chẳng còn ai. Một giọt sương trong một mầm lá mỏng, một ánh trăng phai một chiếc lá mừng đôi hương nồng... Ngôn ngữ mến yêu của chúng ta đẹp hơn khi dội được vào lòng những hình ảnh những cảm niệm những tiếng khóc những nỗi niềm. Chẳng biển rộng sông dài, chẳng núi cao vực sâu, chỉ là những tiếng vỗ vàng khua động giữa thâm tâm. Nơi những lời không nói được, NĐT đã gói vào những âm vang ray rứt khổ đau cho mình cất tiếng. Nghe với nhau để chung hòa, hát một mình để khóc. Để khóc... Và mừng, vì chính lúc thoát ra được những âm vang ray rứt khổ đau ấy mà mình tìm lại được mình tìm lại được nhau. Mai sau dù có bao giờ... (Lưu Na).

Sáng tác âm nhạc, khác với những loại hình nghệ thuật thơ văn, đến với người thưởng ngoạn qua trung gian người trình bày. Với nhạc của Nguyễn Đình Toàn, tiếng hát của ca sĩ Khánh Ly là một trung gian tuyệt vời nhất. Người nghệ sĩ già dặn kinh nghiệm ấy đã chuyển tải trọn vẹn tiếng lòng người viết nhạc, và đôi khi còn nâng những giọt âm thanh lên một độ cao nghệ thuật rất bất ngờ, và cũng rất buốt lòng. Đặc biệt với CD Hiền Cúc Vàng gồm 10 bài nhạc tiêu biểu nhất của nhạc sĩ NĐT, tiếng hát Khánh Ly đã chứng tỏ sự thành công cuối đời của bà gắn liền với nhạc Nguyễn Đình Toàn, như cách đây 50 năm, sự thành công đầu đời của bà đã gắn liền với nhạc Trịnh Công Sơn.

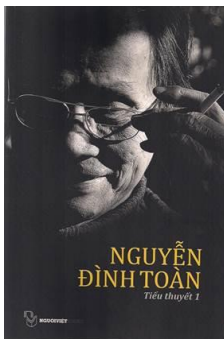
Trang TV&BH, với sự cho phép và hiệu đính của nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn, sẽ lần lượt giới thiệu và lưu trữ tất cả những tác phẩm âm nhạc của nhạc sĩ, như “ một bông hồng tạ ơn “ gửi đến con người tài hoa đã dành cả đời mình cho nghệ thuật. Đúng ra, công việc chính của chúng tôi là thu gom và lưu trữ những tác phẩm của ông đã được thính giả khắp nơi đưa lên rải rác ở các trang lưu trữ âm nhạc, mà như trên đã nhắc đến, chính tác giả cũng không có được trong tay đầy đủ những đứa con tinh thần của mình.

Chuyên mục “ Góc Nhạc “ của trang TV&BH sẽ là nơi chuyên chở gia tài âm nhạc Nguyễn Đình Toàn. Và vì tầm vóc của gia tài ấy, việc thực hiện sẽ cần nhiều thời gian. Chúng tôi mong nhận được sự giúp đỡ của người yêu nhạc Nguyễn Đình Toàn, để cùng nhau, chúng ta gửi đến ông một bông hồng đẹp tạ ơn.

Rồi đây, ông sẽ trăm tuổi. Lúc ấy, được nhìn thấy công trình một đời của mình “ thu về một mối “, há chẳng phải là sự mãn nguyện cho ông (và cho tôi, kẻ mang nợ) hay sao ?

Người đời sau, có ai muốn biết đến tác phẩm của một nhạc sĩ có tên Nguyễn Đình Toàn, hẳn cũng sẽ có một nơi tìm đến mà lắng nghe tiếng kêu bi thương của một thời đại và nhỏ đôi giọt nước mắt cho những tiền nhân rất không may trong lịch sử.

Không gần, sao vẫn thấy thân Nam Dao



Gặp Nguyễn Đình Toàn được bao nhiêu lần nhỉ? Chắc 2, nhiều lắm là 3! Và lần nào cũng gặp chốn bạn bè, nào đã nói gì riêng tư đâu. Chỉ nhìn. Nhìn để cảm, và cảm là thứ trực giác vượt lên trên ngôn từ. Lần nào cũng thế, anh trầm lắng, cười mỉm, hình như cứ chực rút vào những chốn của anh, của riêng anh mà thôi. Thế là sau cái bắt tay, câu chào, tôi chỉ biết bạn của bạn, chắc là bạn tôi. Bạn ở cái nghĩa không phải đàn đúm, zô 100%, zô đi, zô nghe ! Mới đây qua Cali, hỏi thì biết anh không khoẻ, chị cũng không khoẻ, và đành thôi thì thôi, để mặc mây trôi, muốn mà không dám đến thăm, sợ phiền.

Không thăm, nhưng nhớ anh, một nghệ sĩ đa năng, tài hoa. Viết từ năm 14 tuổi, anh đã cho xuất bản đâu 10 cuốn tiểu thuyết. Mới đây, Người Việt

Books in lại :

Tiểu thuyết 1: gồm – Áo Mơ Phai, Con Đường, Tro Than.

Tiểu thuyết 2: gồm – Đồng Cỏ, Giờ Ra Chơi, Ngày Tháng.

Ngoài tập Đồng Cỏ viết sau 1975, xuất bản lần thứ nhất tại Úc, 1994, còn lại những truyện khác đều viết trước 1975. Truyện dài Áo Mơ Phai được giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc, Việt Nam Cộng Hòa, 1973.

Còn Truyện Ngắn, khá nhiều. Khi tôi hỏi, anh bảo cái “ ồ” cứng chứa truyện của anh đâu mất, gửi cho 1 truyện mà một người thân “gửi lại” cho anh. Truyện kể một cô giáo được (bị ?) cậu học trò yêu, rình rỗi vào trong “vòng tay học trò”, nếu dưới ngòi bút Nguyễn thị Hoàng thì ...chẳng biết ra sao ? Nhưng Toàn khác, cho cô giáo vùng vẫy, và thoát, lại “... chỉ nhìn thấy khuôn mặt trẻ thơ của hấn rần rụa nước mắt, lẫn với những vết xước, một khuôn mặt vừa khốn khổ vừa sáng chói hân hoan.”. Đã xong chưa ? Chưa, cô giáo sáng hôm sau về Sài Gòn với một đồng nghiệp mà tối trước cô đứng đưng khi anh chàng ba lơn tán tỉnh, xin ở trọ, và sau trôi giạt về đâu thì chẳng ai biết !

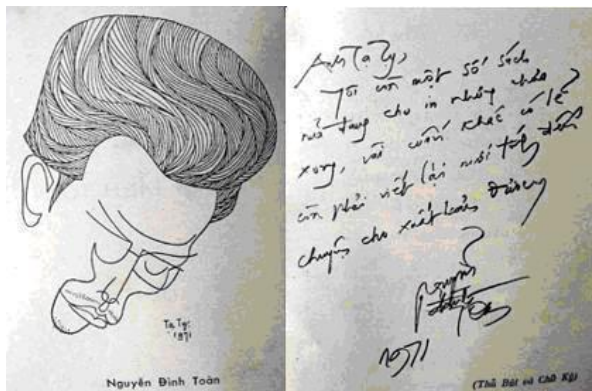
Đoạn kết này đầy tính “hiện sinh”, bài của huyvespa dưới đây nêu bật những cái bức bách, bế tắc của cuộc nhân sinh đầy bất hạnh.

Thơ Toàn. Kịch thơ với Khúc Ca Phạm Thái rất tiền chiến, âm hưởng có chút Tượng Trưng kiểu nhóm Dạ Đài với Trần Dần, Đinh Hùng, Huyền Kiều... nhưng nhóm này rồi chết khá yếu. Giai đoạn sau, thơ Toàn khác, và ta xót xa như Đinh Quang Anh Thái với bài thơ Toàn đọc khi đi ngang nơi Đỗ Ngọc Yến trụ ở chốn vĩnh hằng !

Còn nhạc, ô hô, tôi là kẻ ngoại đạo, nhưng tin nhạc là hình thái nghệ thuật cao nhất đánh động tới tâm linh. Toàn gửi cho 4 files nhạc anh làm, tôi định chuyển lên amvc hầu bạn đọc, nhưng dốt “computer” nên tôi chịu, loay hoay mãi mà không được. Chắc phải nhờ ông bạn họ Phan tài ba thôi ! Tôi chỉ liệt kê một số bài, và xin nhắc Khánh Ly hát Nguyễn Đình Toàn rất hay, hình như có ra 1 CD chắc cũng đã lâu.

Anh Toàn quý mến, chúng ta không gần, nhưng anh cho phép nói, tôi vẫn thấy cứ thân. Có lẽ vì anh là nhà văn nhiều day dứt trần trở với cuộc đời. Có lẽ vì anh là nhà thơ vẫn trữ tình tuy hoàn toàn ý thức “nó là cái chi chi”. Có lẽ vì anh cô đơn. Như tôi, thế thôi. Chắc vậy !

Nguyễn Đình Toàn



Nguyễn Đình Toàn và thủ bút

Sinh ngày 19/11/1930 tại Bồ Đề, Gia Lâm . Viết văn từ năm 1954.

Văn:

1. Chị em Hải, nhà xuất bản Tự Do, 1962
2. Những kẻ đứng bên lề, nhà xuất bản Giao Điểm, 1964
3. Con đường, nhà xuất bản Giao Điểm, 1967
4. Ngày tháng, nhà xuất bản An Tiêm, 1968
5. Phía ngoài, nhà xuất bản Hồng Đức, 1969
6. Giờ ra chơi, nhà xuất bản Khai Phóng, 1970
7. Đêm hè, nhà xuất bản Hiện Đại 1970
8. Đêm lãng quên, Văn Uyển, 1970
9. Không một ai, nhà xuất bản Hiện Đại, 1971
10. Đám cháy, Văn Uyển 1971

Đã cộng tác với: Văn, Tự Do, Văn Học, v.v.

Phụ đính I :



Cha con sớm mai

Tôi đã chờ đợi, nhưng những ngày cuối năm cũng không có gì thay đổi. Thay đổi? Hai tiếng đó nghe có vẻ nhuốm một chút khô hài và hơi nặng nề. Tôi đánh thức thằng nhỏ trở dậy đi học mỗi sớm mai, và nghĩ, đáng lẽ đó là công việc của mẹ nó. Tôi còn tưởng tượng ra bàn tay mẹ nó lùa vào sườn nó cù cho thằng nhỏ tỉnh ngủ, lối đánh thức con đặc biệt của nàng.

- Dậy, dậy rửa mặt, còn đi học con.

Tôi phải tự rửa mặt, đánh răng cho nó, dù công việc này tôi có thể nhờ chị giúp việc làm hộ. Công việc buồn nản và đôi khi ngớ ngẩn.

- Bố, sao ngày nào con cũng phải đi học vậy?

- Không đi học thì con ở nhà làm gì?

- Chơi

- Thì con học có một buổi. Buổi chiều ở nhà con tha hồ chơi. Bố có cấm con đâu.

- Hôm qua con mới đi rồi mà.

- Ừ, ngày nào con cũng phải đi học. Cũng như bố ngày nào cũng phải đi làm.

- Đi học làm gì hả bố?

- Con có đi học thì con mới biết chữ, biết đọc báo chứ.

Tôi lấy nước trong bình thủy pha cho nó một ly sữa và pha cho mình một ly cà phê, dù đó cũng là việc tôi có thể nhờ chị giúp việc làm hộ.

Hai bố con ngồi ăn sáng chung quanh chiếc bàn nhỏ. Trời còn sớm, sương mù, ngoài thềm còn nhìn thấy sau cửa kính. Chuyển xe lửa chờ gỗ từ ngoài thành phố vào chạy qua trước cửa, cả căn nhà rung chuyển. Thằng nhỏ bỏ vội ly sữa chạy ra dán mũi vào cửa kính đứng ngó. Những thân cây lớn xếp chồng được được buộc bằng những vòng xích sắt lớn, nhìn thấy loáng thoáng qua màn sương đục. Chuyển xe đã qua hết. Thằng nhỏ trở lại bàn ăn.

- Xe lửa chờ cây đi đâu vậy bố?

- Chờ về nhà làm gỗ.
- Làm gỗ làm gì hở bố?
- Làm bàn, làm tủ, làm nhà.

Dĩ nhiên câu trả lời của tôi thằng nhỏ không hiểu được. Nhưng không biết tôi có cách trả lời nào khác?

- Sao hôm nào con cũng xem tàu chạy mà con không chán à?
- Không. Mẹ có ở trên tàu đó không bố?
- Không. Tàu chờ gỗ, mẹ ở trên đó làm gì.
- Thế tàu có chạy qua chỗ mẹ ở không bố?
- Để bố xem nào. Không, mẹ con ở chỗ đó làm gì có đường tàu mà tàu chạy qua.
- Phải có đường tàu mới chạy được hả bố.
- Ờ, con có thấy cái đường sắt ở ngoài đó không. Phải có cái đường đó tàu mới chạy được.
- Thế cái đầu máy nó không chạy được hả bố?
- Chạy chứ. Cái đầu máy kéo cái tàu chạy. Nhưng phải có cái đường sắt đó thì những cái bánh của nó mới nó chỗ lăn.
- Ô tô đâu có cần có đường sắt sao nó vẫn chạy được.
- Tại ô tô khác, xe lửa khác.

Càng ngày tôi càng cảm thấy tôi không biết cách nói chuyện với thằng nhỏ. Nó hỏi những câu tôi không biết trả lời thế nào cho xuôi. Chẳng hạn có một buổi tối hai bố con leo lên trên sân thượng chơi. Bữa đó trăng đầy và sáng. Nó hỏi: “Trăng có phải là đồng mưòi đồng của ông ông trời không bố”. Tôi đành phải nói với nó, “bố cũng không biết nữa nhưng chắc thế”. Một bữa khác, tình cờ nhìn thấy vàng trắng khuyết, thằng nhỏ lại hỏi: “Sao trăng lại vỡ một tiếng hả bố, có phải má nó đánh rơi nó không?” Chắc thế, chắc má nó đánh rơi. Sao cái gì bố cũng không biết hả bố? Ừ, vì thế con phải đi học, bao giờ con biết chữ con sẽ đọc sách, con sẽ biết hết những gì con muốn biết, không cần phải hỏi bố.

- Bố.
- Há?
- Bố đổ cho con một tí cà phê của bố vào sữa của con đi.

- Con uống cà phê đâu có được.
- Được mà. Mẹ vẫn cho con uống mà.

Tôi lấy muỗng múc cà phê đổ vào ly cho nó. Hai mắt thằng nhỏ hau háu nhìn vào chất nước đen đang được trút vào ly sữa.

- Bố cho con ba thìa thôi nghe.
- Bố, sắp tết chưa hả bố.
- Sắp rồi con.
- Còn bao lâu thì tết hả bố.
- Bao giờ ma sơ cho con nghỉ tết thì tết.

- Tết mẹ có về không bố?
- Chắc là mẹ không về.

Quanh đi quẩn lại, lại vẫn trở về câu chuyện vũ. Thằng nhỏ quả thật chịu không nổi sự vắng mặt của mẹ nó.

- Tại sao tết mà mẹ lại không về?
- Tại sao không muốn ở với bố nữa?
- Thế sao mẹ không ở với con?
- Nếu mẹ về ở với con, mẹ sẽ gặp bố. Đó là điều mẹ không thích.
- Mẹ ghét bố à?
- Không. Có lẽ mẹ không ghét bố. Mẹ chỉ không muốn ở chung với bố và con thôi.
- Thế bây giờ mẹ ở với ai?
- Bố cũng không biết.
- Bố có biết chỗ ở của mẹ không?
- Biết.

- Sao bố không đi gọi mẹ về.

- Không, phải mẹ không biết đường về. Mẹ không muốn về đây nữa. Bố có đi kiếm mẹ cũng không về.

- Bố đưa con đến, con gọi mẹ.

- Để bữa nào rảnh bố đưa con đi.

Tôi nói thế, nhưng tôi không biết tôi có thể làm được việc đó chẳng. Dĩ nhiên nàng không ở một mình. Có nên để cho thằng nhỏ trông thấy mẹ nó sống với một người khác? Có nên giấu nó chuyện đó? Mẹ nó đã lấy một người khác, điều này, đối với nó có nghĩa là như thế nào? Tòa đã phân xử cho nàng quyền nuôi một đứa con và tôi nuôi một đứa. Nhưng thực tế có giản dị như thế chẳng? Đó là điều mỗi sớm mai, mỗi bữa cơm, mỗi buổi tối trước khi đi ngủ, thằng nhỏ lại nhắc đến.

- Tết mẹ không về thì ai mua đồ mới cho con.

- Bố.

- Bố mua cho con cây súng nghe bố.

- Chi vậy?

- Súng bắn pháo.

- Ờ, để rồi bố mua cho.

- Mẹ có thương con không bố?

- Chắc là có.

- Sao mẹ không nuôi con mà mẹ chỉ nuôi chị bé thôi?

- Tại con đã trả lời trước tòa con ở với bố, không ở với mẹ.

- Con nói thế hả bố?

- Con nói chứ còn ai nữa.

- Con nói dối, bố.

- Tại sao con nói dối?

- Tại chị bé đòi ở với mẹ rồi.

- Con sợ bố phải ở một mình à.

- Không. Bố cũng ở đây. Mẹ cũng ở đây mà.

- Con tưởng con nói thế nào rồi cũng về nhà mình cả, phải không?

- Thế sao mẹ không về, bố?

- Con nghe đây, mẹ không về đây nữa. Mẹ đã xin ly dị với bố. Bố với mẹ không ở với nhau nữa. Tòa đã chia chị bé cho mẹ. Chia con cho bố.

- Bố, con muốn cho chị bé cái ô tô chạy "pin" của con.

- Con chán rồi à?

- Không. Con cho chị bé chơi chung.

- Để rồi hôm nào bố đưa con cầm đến cho chị bé.

- Sao bố nói vậy hoài mà bố không đưa con đi.

- Tại bố chưa nghĩ ra cách nào có thể đưa con lại gặp mẹ mà không làm phiền người này, người khác.

- Mẹ không muốn bố đưa con đến à?

- Có thể chính mẹ không muốn thế.

- Hay bố bảo chị bé tới tiệm kem rồi con mang ra cho chị bé.

- Nếu bố nói được với chị bé như thế thì thà bố đưa con đến còn hơn.

- Mẹ o sịt bố hả?

- Sao con hỏi luôn mồm thế?

Thằng nhỏ bị gắt trở mắt nhìn bố. Có lẽ nó tự cho việc nó hỏi về mẹ và chị nó không phải là một việc có lỗi. Nhưng tại sao tôi lại gắt lên vì thế. Bữa ăn sáng đã gần xong. Tôi để ý nhìn ra ngoài thềm, sương mù vẫn chưa tan hết. Giàn hoa leo mới hôm nào tưởng đã chết khô, lại xanh đầy lá non. Những sợi dây thép được căng cho dây leo, nặng trĩu dưới những đám lá và những chum bong lấm tấm đỏ. Sự phát giác này làm tôi sợ hãi. Tôi đã bỏ quên nhiều thứ, ngày tháng, đứa con nhỏ. Tôi đã quên thật hay đã cố quên tất cả những gì đã xảy ra, để tìm thấy lại những

trật tự mới cho mình. Dù thế nào thì hết thấy những điều đó cũng nhuốm một chút gì tàn nhẫn. Không ai tiếc một người đàn bà đã có với mình hai đứa con. Nhưng nếu đến cả người đàn bà đó cũng không yêu, thì tôi còn có thể yêu ai? Và trước đây tôi có quả thực yêu nàng và ngược lại? Mùa lá cũ đã rơi rụng hết, bây giờ là những mùa lá mới. Mọi sự chỉ giản dị có như vậy sao? Tôi gọi chị giúp việc bảo lấy thêm áo lạnh cho thằng nhỏ. Trong khi nói, tôi nhớ những sớm mai trời rét, hình dáng nàng co ro đứng rửa mặt trước thau nước bên thềm.

Thằng nhỏ thấy bố yên lặng một lúc không gắt thêm lại chảy mồ nói:

- Đi học chẳng có gì thú cả sao bố bắt con đi học hoài vậy.

- Mà thi biết gì là thú hay không.

- Bố.

- Hả.

- Con muốn nghỉ học một bữa. Bữa nay thôi. Mai con lại đi học.

Con muốn nghỉ học. Bố muốn nghỉ làm. Chẳng ai muốn làm gì cả.

- Thôi con đừng có vờ vẩn. Mặc áo lạnh vào rồi sửa soạn đi.

Thằng nhỏ phụng phịu muốn khóc.

- Chịu khó đi học buổi chiều được nghỉ bố cho đi chơi.

- Đi chơi đâu hả bố.

- Đi phố.

- Bố, con đau bụng quá.

- Mà chuyên môn vờ vịt.

- Bố cởi quần cho con đi cầu.

- Mau lên rồi còn đi học.

Khi thằng nhỏ vô nhà trong thì Lan tới. Nàng gõ cửa và sau đó tự mở cửa bước vào.

- Em phải tới sớm sợ anh đi mất.

- Hôm nay em nghỉ làm sao?

- Em được nghỉ thường niên. Em có thể ở lại với anh một tuần.

- Thật không?

Nàng ghé hôn trêm môi tôi bảo:

- Anh không mừng sao?

- Em cứ ở nhà, anh đưa thằng nhỏ đi học rồi sẽ ghé sở và tìm cách về nhà sớm.

- Anh có thể cho chị Hai nghỉ việc một tuần. Em sẽ làm thay cho chị ấy.

Nàng tự nhiên gọi chị Hai lên nói cho phép nghỉ, cho tiền, chị có thể về thăm nhà một tuần, đúng một tuần thôi nghe, lại lên trông nhà cho cậu.

Chị Hai nhìn tôi như muốn hỏi ý kiến. Tôi ra dấu ưng thuận cho chị. Chị Hai cầm tiền nói cảm ơn Lan và đi xuống nhà dưới sửa soạn quần áo.

Thằng nhỏ ở dưới nhà lên, tay cầm quần chạy lại bên bố bảo:

- Bố mặc vào cho con.

- Con không chào cô hả.

Thằng nhỏ khoanh tay cúi đầu chào. Lan lại gần xoa đầu thằng nhỏ nói:

- Ngoan lắm. Con chưa đi học à?

Thằng nhỏ nói:

- Đi bố.

Lan lại gần hôn tôi, bảo:

- Anh sẽ cố.

Tôi chờ thằng nhỏ đến trường, ghé qua sở cáo ốm, xin phép về sớm. Lúc tôi về nhà, chị người làm đã đi khỏi. Lan đã thay quần áo mặc nhà. Lan đang ngồi ngả người trên chiếc ghế sa-lông dài vặn nhạc, nghe. Căn phòng vắng. Lan đóng cửa nên trông như trời còn tối. Lan giơ tay làm hiệu cho tôi lại gần. Tôi bước lại ngồi xuống bên nàng. Mọi việc gần như đã được nàng sửa soạn hết. Tôi chỉ việc thả mình vào cuộc. Da Lan thơm, mềm mại, tuổi trẻ còn đầy trên ngực, chân tay nàng tròn trịa. Tôi thay quần áo mặc nhà, nằm xuống bên nàng. Cuộn băng nhạc tiếp tục quay. Một bài hát cũ. Những ham muốn cũ đang được thấp lại. Lan với tay tắt chiếc máy.

Những tiếng động đã im bật hẳn. Khi hai người buông nhau ra, cùng nằm ngửa nhìn trần nhà, tôi có cảm tưởng xa lạ như căn nhà không còn là nhà của tôi nữa. Nó trở thành một nơi nào khác.

Lan nói:

- Em phải nói dối nhà đi nghỉ trên Đà-lạt để đến đây.
- Thế hả.
- Em thấy anh có vẻ không vui. Tại sao vậy?
- Không. Không có gì hết. Anh vẫn mong em tới và ở lại.
- Nếu anh không muốn thì em về Đà-lạt thật.
- Đừng nói bậy.
- Nghỉ lát anh đưa em đi mua đồ về làm thức ăn.
- Em cứ ở nhà, để anh mua đồ làm sẵn về cũng được.
- Hôm nay cứ tạm ăn như thế. Mấy giờ anh đi đón thằng nhỏ.
- Mười một giờ.

Mười một giờ tôi tới trường đón thằng nhỏ. Nhưng cô giáo cho biết mẹ nó đã đến xin phép cho nó về trước. Bữa nay thứ bảy. Mai nó được nghỉ học. Chắc mẹ nó muốn giữ nó ở nhà một ngày. Trong căn nhà nàng đang ở đó, có lẽ, nàng cũng đang chờ một người đàn ông khác, như Lan đang chờ tôi. Chỉ có những đứa nhỏ bị tha đi, tha lại. Tôi sẽ có một ngày tự do với Lan trước khi thằng nhỏ trở về. Nàng cũng có bao nhiêu ngày tự do khác với một kẻ nào khác.

Tôi trở về nhà một mình. Trời nắng và đường đông nghẹt xe cộ. Lúc xuống xe tôi nôn nao khó chịu.

Lan mở cửa cho tôi.

- Anh sao thế? Con đâu?

Tôi nói:

- Nó về nhà mẹ nó.

Con đâu? Tôi muốn hôn lên môi Lan đồng thời muốn khóc khi nàng nói vậy.